

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

TARIC
CHẤT LƯỢNG & NIỀM TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO
- TASCO JOINT STOCK COMPANY

91 NGUYỄN CHÍ THANH - P.LÁNG HẠ - Q.ĐỒNG ĐA - HÀ NỘI



THÁNG 4 | 2021

www.TARIC.COM.VN | www.TASCO.COM.VN

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/BC-TASCO

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2021

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2020

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2
TÂM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI	5
THÀNH TỰU	7
I. THÔNG TIN CHUNG	8
1. Thông tin khái quát	8
2. Lịch sử hình thành và phát triển	9
3. Mô hình quản trị	10
4. Các công ty con, công ty liên kết và các lĩnh vực hoạt động	12
5. Ban lãnh đạo	13
6. Định hướng phát triển	16
7. Các nhân tố rủi ro	17
II. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021	21
1. Tổng quan tình hình tài chính Công ty	21
2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	22
3. Tình hình tài chính của Công ty	22
4. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	24
5. Tổ chức và nhân sự	24
6. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	26
7. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	27
8. Kế hoạch phát triển trong tương lai	42
III. BÁO CÁO QUẢN TRỊ	44
1. Hội đồng quản trị Công ty	44
2. Ban Kiểm soát	47
3. Thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2020	48
4. Đào tạo về quản trị công ty	48
IV. THÔNG TIN CỔ PHIẾU, QUAN HỆ CỔ ĐÔNG	49
1. Cổ phần	49
2. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	49
3. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ	50
4. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu với cổ đông nội bộ	51
V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	53

THÔNGIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2021,

Kính thưa Quý nhà đầu tư, Quý khách hàng, đối tác và toàn thể Cán bộ - Công nhân viên,

Năm 2020 được xem là một năm đặc biệt trong lịch sử thế giới, dịch bệnh Covid khiến nhiều quốc gia bị khủng hoảng kép về kinh tế và y tế dẫn đến thiệt hại nặng nề về cả kinh tế và xã hội. Trong bối cảnh đó, Việt Nam trở thành điểm sáng hiếm hoi trong bức tranh u ám toàn cầu và nằm trong số ít quốc gia có mức tăng trưởng GDP cao nhất thế giới, đạt 2,91%. Tuy nhiên đây lại là mức tăng trưởng GDP thấp nhất của Việt nam trong thập kỷ 2011 - 2020. Tăng trưởng thấp khiến các doanh nghiệp bị ảnh hưởng đáng kể, nhiều doanh nghiệp thậm chí phá sản.

Đối với ngành Giao thông vận tải, đại dịch COVID-19 cùng với các đợt giãn cách xã hội và những đợt thiên tai lũ lụt liên tiếp đã khiến ngành thiệt hại nặng nề về hạ tầng, các doanh nghiệp sụt giảm mạnh về doanh thu.

Không nằm ngoài vòng xoáy bị chịu ảnh hưởng nặng nề từ các yếu tố trên, tuy nhiên TASCO đã chủ động áp dụng các biện pháp để vừa chống dịch bệnh, vừa linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh để thích ứng tốt nhất với tình hình thực tế. Chúng tôi đã bám sát các mục tiêu đề ra như: tập trung thu hồi công nợ; hoàn thiện thủ tục pháp lý và vận hành khai thác các dự án BOT ổn định; thực hiện các thủ tục quyết toán một loạt các dự án của Công ty...

Kết quả trong năm 2020, Công ty đã hoàn thành được một số việc quan trọng như: xác định nghĩa vụ về đất cho dự án Foresa Villa làm tiền đề cho việc quyết toán dự án BT Lê Đức Thọ và triển khai các dự án bất động sản đối ứng còn lại trong năm 2021 - 2022; ký phụ lục hợp đồng và thực hiện đầu tư dự án Thu phí tự động không dừng; thu hồi công nợ của dự án BT39 Thái Bình; liên danh đấu thầu nhà đầu tư các dự án bất động sản như dự án ở Quảng Phú, Thanh Hóa; đầu tư 1MW dự án điện mặt trời mái nhà ở Farm Kỳ Sơn - Hòa Bình,... Tuy vậy, kết quả hợp nhất của Công ty chưa đạt được kế hoạch đã đề ra, nguyên nhân phần lớn do ảnh hưởng từ lỗi của dự án Thu phí tự động không dừng BOO1.

Năm 2021 - năm mở đầu của một thập niên mới, một thời kỳ phát triển mới của đất nước trong bối cảnh dịch bệnh toàn cầu chưa hoàn toàn được đẩy lùi, nguy cơ dịch bệnh vẫn còn ở khắp nơi. Tasco sẽ còn tiếp tục phải đối mặt với rất nhiều áp lực về tài chính cũng như vướng mắc về pháp lý trong quá trình triển khai dự án, đặc biệt là các dự án bất động sản và dự án BOT hạ tầng giao thông.

Năm 2021 cũng là năm đánh dấu chặng đường 50 năm xây dựng và phát triển của TASCOS. Trong suốt hành trình 50 năm ấy, đã không ít lần Chúng tôi đứng trước những khó khăn tưởng chừng không thể vượt qua. Nhưng bằng sự nỗ lực không ngừng nghỉ, kiên trì theo đuổi mục tiêu đến cùng, Công ty đã vượt qua nhiều sóng gió, đạt được những thành tựu đáng được ghi nhận và tự hào như ngày hôm nay. “Không khó khăn nào là ngõ cụt”, Chúng tôi đã và đang quyết tâm vươn lên để thoát khỏi tình hình khó khăn, đồng thời tạo ra một diện mạo mới cho TASCOS trong thời gian tới.

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty, Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến toàn thể Ban Lãnh đạo và gần 1000 người lao động đang cống hiến hết mình cho sự nghiệp của Công ty. Đặc biệt, Tôi cũng xin gửi lời tri ân sâu sắc đến Quý nhà đầu tư, Quý khách hàng và đối tác đã luôn tin tưởng, đồng hành cùng Công ty trong suốt thời gian qua. Chúng tôi mong muốn được tiếp tục hợp tác, đồng hành với các Quý vị trong thời gian tới để chúng ta cùng hướng đến một tương lai bền vững, phồn vinh và thịnh vượng!

Kính chúc sức khỏe và hạnh phúc đến Quý vị và gia đình.

Trân trọng!

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Phạm Quang Dũng

TỔNG QUAN



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

VỀ CÔNG TY



Vì mục tiêu phát triển trường tồn là một trong những tư tưởng xuyên suốt chặng đường phát triển của TASCOT. Lãnh đạo Công ty Cổ phần Tasco luôn lấy “chất lượng” để xây dựng “niềm tin” cho chính Nhân viên, Khách hàng, Cổ đông và Đối tác của mình.

SỨ MỆNH

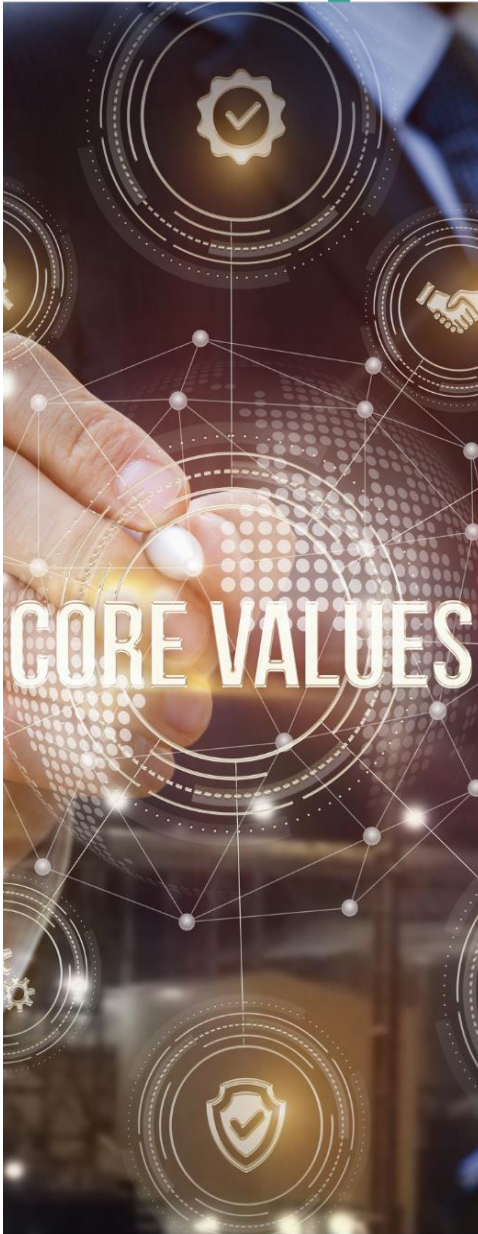
Tasco mang đến cho cộng đồng các sản phẩm nhà ở, khu đô thị, hạ tầng giao thông hài hoà với thiên nhiên, phù hợp với sự phát triển của văn minh xã hội.

TẦM NHÌN

Tạo ra không gian cho con người sống, đam mê, sáng tạo và cống hiến.

NGUYÊN LÝ KINH DOANH

- Xây dựng Tasco vì mục tiêu phát triển trường tồn là tư tưởng chủ đạo xuyên suốt của các cấp lãnh đạo.
- Không có yếu tố cá nhân trong tổ chức.
- Luôn bảo vệ quyền lợi của Cổ đông trong dài hạn.
- Xây dựng các quy trình nghiệp vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đào tạo những nhà lãnh đạo, nhà quản lý là người hiểu thấu đáo công việc, sống cùng triết lý công ty và huấn luyện được cho cấp dưới.
- Xây dựng các cá nhân và tập thể xuất sắc về việc tuân thủ triết lý của công ty.
- Xây dựng mạng lưới đối tác và nhà cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Giải quyết vấn đề tận gốc rễ bằng cách phải đích thân đi đến và xem xét hiện trường để hiểu tường tận tình hình.
- Không ngừng học hỏi, không ngừng tự phê bình, không ngừng phát huy trí sáng tạo và cải tiến của mọi người.
- Quản trị thông tin để luôn thấu hiểu được tình hình kinh tế vĩ mô trong nước, các nước trong khu vực và thế giới để ra các quyết định đầu tư cho doanh nghiệp.
- Xây dựng đội ngũ làm việc có đẳng cấp là cách duy nhất để Tasco gạt hái được những thành công lớn lao.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

CAM KẾT

Vì mục tiêu phát triển trường tồn không bao giờ được thỏa mãn, không bao giờ chịu lùi bước và làm mọi cách có thể để vượt qua thách thức, vì lợi ích Khách hàng, Đối tác, Cộng sự, Cổ đông, Cộng đồng địa phương và Môi trường.

TÔN TRỌNG

TASCO luôn đề cao các cá nhân và tính đa dạng, lắng nghe để hiểu mọi người, tiếp nhận mọi góp ý hành động với sự tôn trọng và tin tưởng.

HỢP TÁC

Tinh thần hợp tác xuyên suốt trong mọi quan hệ của TASCO, khuyến khích phát triển nghề nghiệp và tôn trọng cá tính, chia sẻ cơ hội để phát triển nhóm, đội, cá nhân là phương pháp làm việc tốt nhất.

SÁNG TẠO

Sáng tạo để khác biệt hóa sản phẩm là phương thức để tồn tại, vì vậy phải vượt qua thách thức để cải tiến không ngừng.

HỌC TẬP

Tạo dựng một tổ chức biết học hỏi bằng việc không ngừng tự phê bình, xem lỗi lầm là những cơ hội để học hỏi thay vì khiển trách Cá nhân.

THÀNH TỰU

CÁC GIẢI THƯỞNG CHO CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

- Giải thưởng Chất lượng Việt Nam năm 2006, 2007;
- Cúp vàng Thương hiệu nổi tiếng vùng duyên hải miền đồng bằng Bắc bộ năm 2007 của Hội đồng Trung ương – Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam;
- Cờ thi đua của Chính phủ năm 2008;
- Bằng khen của UBND tỉnh Nam Định năm 2009;
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2010, 2011;
- UBND Thành phố Hà Nội tặng cờ thi đua cho Công ty cổ phần Tasco - Đơn vị xuất sắc năm 2010;
- Giải thưởng Công trình xây dựng chất lượng cao năm 2014;
- Giải thưởng TOP 100 Doanh nghiệp phát triển bền vững Việt Nam 2016;
- Giải thưởng TOP 30 Doanh nghiệp minh bạch nhất HNX 2015-2016;
- Cup biểu trưng "Doanh nghiệp Văn hóa tiêu biểu Việt Nam" năm 2018.



CÁC GIẢI THƯỞNG CỦA CHỦ TỊCH PHẠM QUANG DŨNG

- Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen năm 2007;
- Năm 2008, Ông được nhận Cờ thi đua của Chính phủ và được tặng cúp Thánh Gióng doanh nhân tiêu biểu cả nước.
- Ông Phạm Quang Dũng - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tasco được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương lao động hạng 3 năm 2011 vì những cống hiến cho sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc trong suốt quá trình công tác;
- Năm 1976, Ông Phạm Quang Dũng được tặng huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng II; Năm 1984 được tặng huy chương kháng chiến hạng Nhì;
- Cúp vàng Ngôi sao Phương Đông – Doanh nhân xuất sắc vùng Duyên hải đồng bằng Bắc Bộ; Giải thưởng Chất lượng Việt Nam năm 2006, 2007.
- Được tôn vinh "Doanh nhân Việt Nam" tiêu biểu trong 100 doanh nhân của cả nước, được Chủ tịch nước trao cúp Thánh Gióng;
- Ông Phạm Quang Dũng - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tasco là 1 trong 24 doanh nhân tiêu biểu được vinh danh tại giải thưởng E&Y năm 2011 và năm 2014 - giải thưởng danh giá cho các doanh nhân xuất sắc của Việt Nam có quá trình phấn đấu bền bỉ, vượt qua khó khăn để thành lập, xây dựng và phát triển đất nước;
- Bên cạnh những giải thưởng, bằng khen cho thành tích và sự đóng góp của Chủ tịch Phạm Quang Dũng với tư cách là một doanh nhân – người đứng đầu doanh nghiệp, còn là bằng khen của Đảng ủy khối Doanh nghiệp trao tặng cho những cống hiến, rèn luyện, phấn đấu hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ do tổ chức Đảng và đơn vị giao phó như: Huy hiệu 45 năm tuổi Đảng; bằng khen cá nhân đồng chí Phạm Quang Dũng năm 2021.

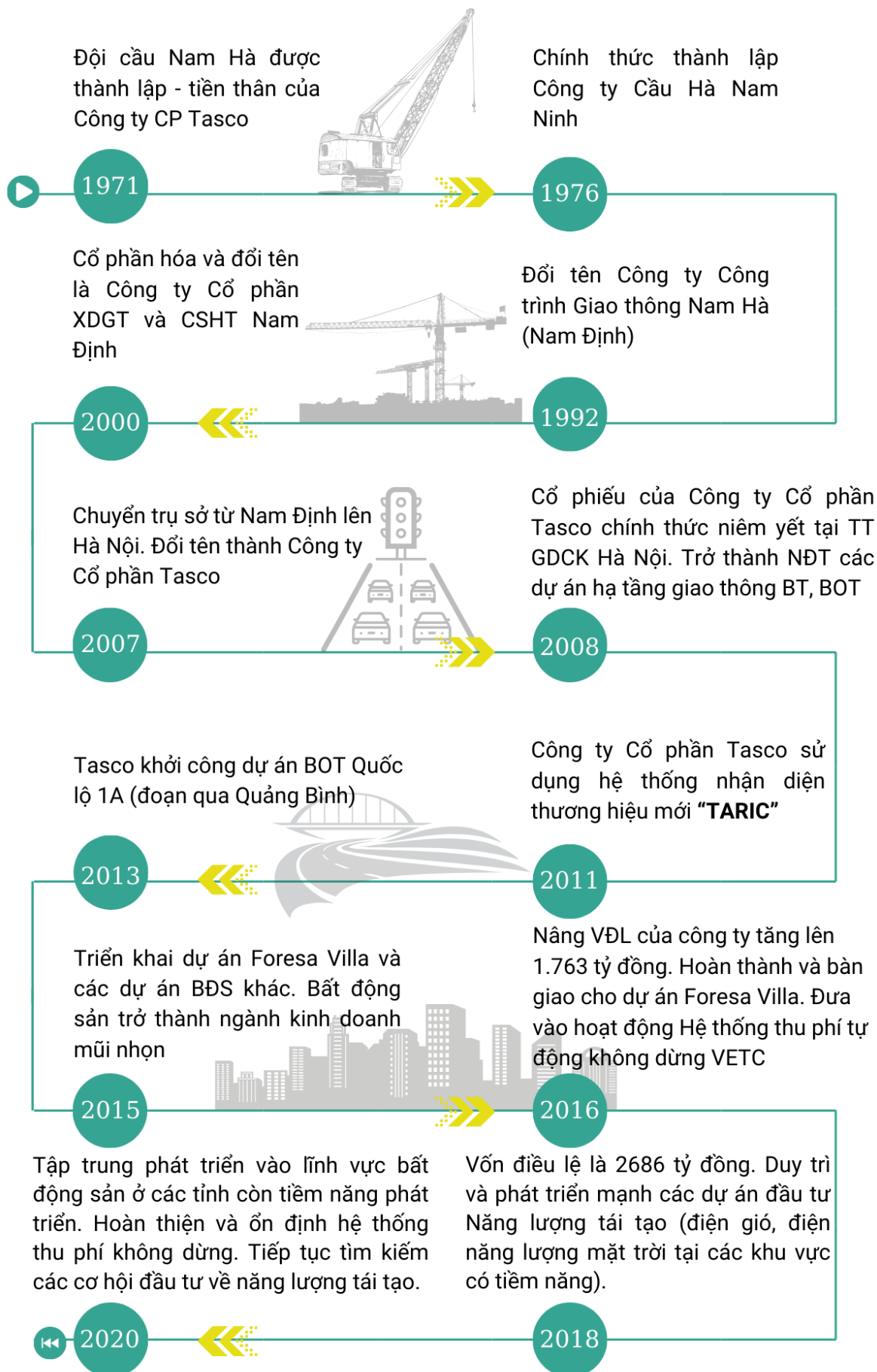


I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch	Công ty Cổ phần Tasco
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	0600264117 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 24, ngày 08/10/2019
Vốn điều lệ	2.686.319.650.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2.686.319.650.000 đồng
Địa chỉ	Tầng 4, Tòa nhà M5, Số 91 Nguyễn Chí Thanh, Q.Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Số điện thoại	024. 3773 8558
Số fax	024. 3773 8559
Website	http://www.taric.com.vn
Mã cổ phiếu	HUT
Ngành nghề kinh doanh	<ul style="list-style-type: none">- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng;- Xây dựng các công trình điện (nhiệt điện, thủy điện), các công trình thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật; Xây dựng đường hầm;- Kinh doanh khai thác công trình kết cấu hạ tầng.
Địa bàn kinh doanh	Hà Nội, Nam Định, Quảng Bình, Hải Phòng, Thái Bình, Ninh Thuận...

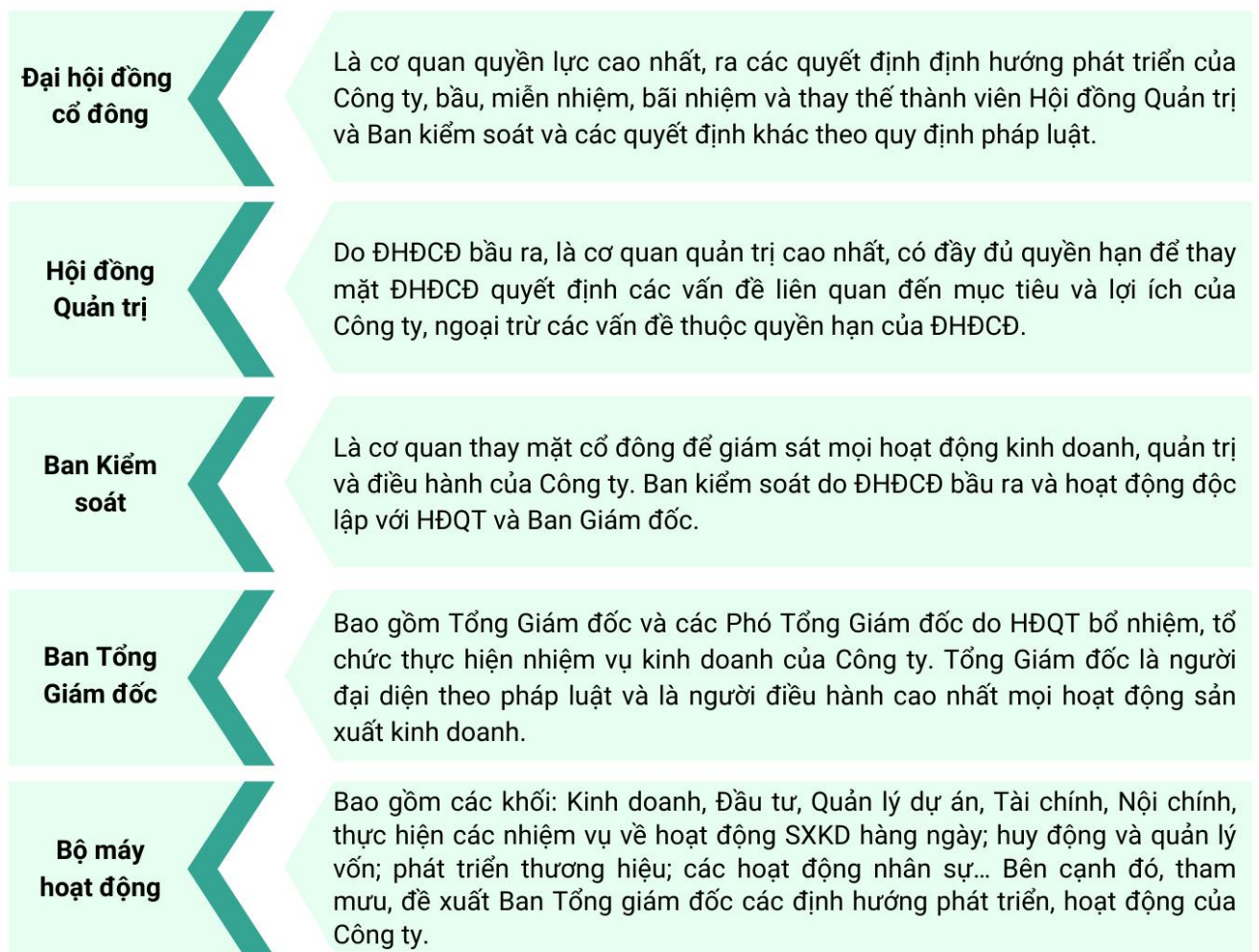
2. Lịch sử hình thành và phát triển



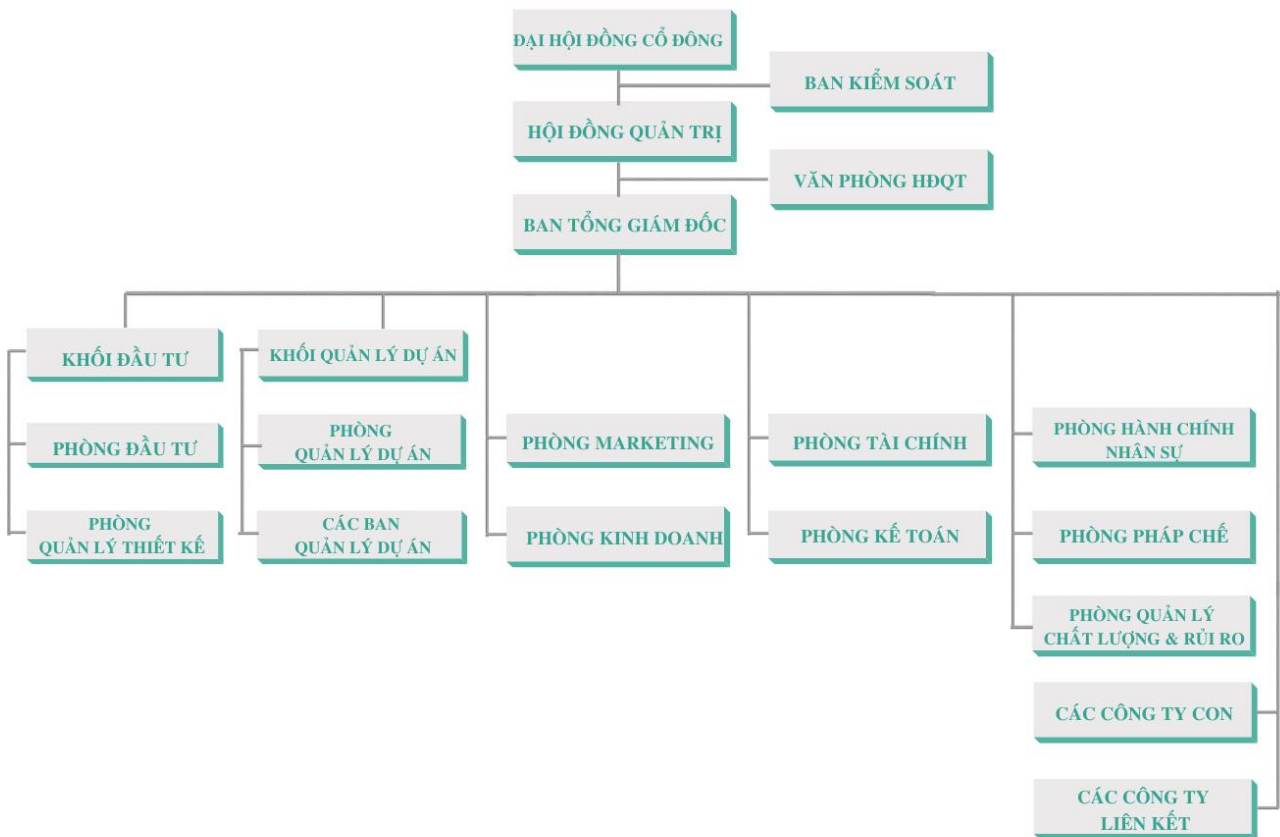


HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

3. Mô hình quản trị



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



4. Các công ty con, công ty liên kết và các lĩnh vực hoạt động:

TT	Ngành nghề KD và doanh nghiệp thành viên đảm nhiệm	Dự án đảm nhiệm thực hiện hiện nay
Đầu tư bất động sản		
1	Công ty trực tiếp thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Foresa Villa (Khu nhà ở sinh thái Xuân Phương) - Xuan Phuong Residence (Khu nhà ở VPTW Đảng, Báo nhân dân) - South building (Tòa nhà chung cư Pháp Vân) - Dự án khu đô thị mới Vân Canh (LK22, 24, 25, 26, 03, BT1) - Dự án căn hộ cao cấp tại 48 Trần Duy Hưng - Dự án xây dựng nhà ở cho cán bộ nhân viên Bộ Ngoại giao. - Dự án văn phòng công ty.
2	Công ty Cổ phần BĐS Thái An	Kinh doanh bất động sản
Đầu tư dự án hạ tầng giao thông		
1	Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	Dự án nâng cấp mở rộng QL1 Quảng Bình (BOT Quảng Bình)
2	Công ty TNHH MTV Tasco Nam Định	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ mới đoạn từ Phủ Lý – thị trấn Mỹ Lộc (BT 21)
3	Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng	Dự án nâng cấp, mở rộng QL 10 đoạn từ Quán Toan đến Cầu Nghìn Hải Phòng (BOT Hải Phòng)
4	Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	Dự án BT 39 và BOT 39 (Thái Bình)
5	Công ty TNHH MTV Tasco 6	BOT 10, BOT 21, BOT Đông Hưng
6	Công ty TNHH BOT Hùng Thắng Phú Thọ	BOT QL 32 Phú Thọ
Xây lắp/dịch vụ /bệnh viện/tư vấn, đào tạo/nông nghiệp/năng lượng		
1	Tổng công ty Thăng Long - CTCP	Cung cấp dịch vụ xây lắp
2	Công ty cổ phần Tasco Thành Công	Cung cấp dịch vụ vận tải, khai thác, nguyên vật liệu xây dựng.
3	Công ty Cổ phần VETC Công ty TNHH thu phí tự động VETC	Cung cấp dịch vụ thu phí, dịch vụ thu phí không dừng (ETC)
4	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tasco	Cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản
5	Công ty TNHH T'Hospital	Cung cấp dịch vụ y tế, bệnh viện
6	Công ty Cổ phần Bệnh viện mắt Hà Nội cơ sở 2	Cung cấp dịch vụ y tế
7	Công ty TNHH An Nhiên Food	Cung cấp sản phẩm nông nghiệp

5. Ban Lãnh đạo

• Hội đồng quản trị



Ông Phạm Quang Dũng
Chủ tịch HĐQT

Năm sinh : 1954

Quê quán: Hải Hậu – Nam Định

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh

Số cổ phần nắm giữ: 26.015.802 cổ phần (Tỷ lệ: 9,68%)

Nếu ví Tasco là một con thuyền thì Chủ tịch Phạm Quang Dũng chính là người thuyền trưởng tài ba. Ông là người doanh nhân hội đủ Tâm – Tầm – Tài, cùng sự đầu đầu của khát vọng làm giàu từ những năm tháng tuổi trẻ và cả sự nung nấu của 15 năm công tác tại đơn vị Nhà nước. Bằng tài năng thiên bẩm, ý chí quật cường và tâm huyết mạnh mẽ, Ông đã vực dậy Công ty Cổ phần Tasco từ những khó khăn của thời gian còn là đơn vị thuộc quản lý nhà nước vươn mình thành một Tasco mạnh mẽ ngày nay.

Nghĩ đến Ông, người ta vừa thấy một Lãnh đạo bình dị và giản dị, điềm đạm và kiên nghị, lại thấy cả vị thế của một Doanh nhân thời đại, cuộn cuộn nổi niềm dựng nghiệp. Nhưng trên tất cả, đó là một trái tim nhân hậu, thuần khiết. Ông chỉ có một tâm nguyện đó là được giúp tất cả những ước mơ muốn khẳng định trở thành hiện thực và đưa Tasco trở thành thương hiệu hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực Bất động sản.



Ông Nguyễn Viết Tân
Phó Chủ tịch HĐQT
Tổng Giám Đốc

Năm sinh: 1981

Quê quán: Nam Định

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cầu đường

Số cổ phần nắm giữ: 1.072.141 cổ phần (Tỷ lệ: 0,4%)

Ông Nguyễn Viết Tân tốt nghiệp kỹ sư chuyên ngành Xây dựng Đường bộ - Đại học Giao thông Vận Tải Hà Nội.

Chứng chỉ Giám đốc điều hành chuyên nghiệp của Viện Công nghệ Châu Á tại Việt Nam (AIT-VN).

Với bề dày kinh nghiệm cũng như sự am hiểu văn hóa của Tasco, ông Tân được đánh giá là người dám nghĩ - dám làm, có nhiều đường lối phát triển mang tính đột phá, cùng HĐQT Taso định hướng những sản phẩm kinh doanh mang tính chiến lược dài hạn.



Bà Phạm Thị Chi
Thành Viên HĐQT

Năm sinh: 1980

Quê quán: Hải Phòng, Hải Hậu, Nam Định

Trình độ chuyên môn: Luật

Số cổ phần nắm giữ: 2.105.118 cổ phần (Tỷ lệ: 0,78%)

Tốt nghiệp Cử nhân Luật, bà Phạm Thị Chi đã trải qua nhiều năm kinh nghiệm làm chuyên viên pháp lý, giám đốc cho các tổ chức, cơ quan nhà nước, công ty lớn trước khi gia nhập Công ty Cổ phần Tasco. Với năng lực, sự nhạy bén và nhiệt huyết, bà Phạm Thị Chi đã được Hội đồng quản trị công ty Tasco tin tưởng và bổ nhiệm làm Ủy viên HĐQT từ năm 2015. Bà Chi luôn tập trung chí hướng phấn đấu trở thành một thành viên ưu tú trong đội ngũ lãnh đạo thứ 2 của Tasco.



Bà Trần Hải Yến
Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1987

Quê quán: Nam Định

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số cổ phần nắm giữ: 2.225.600 cổ phần (Tỷ lệ: 0,83%)

Bà Trần Hải Yến có gần 10 năm hoạt động chuyên nghiệp trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, với bằng tốt nghiệp cử nhân Khoa Kinh Tế Đối Ngoại – Đại học Ngoại Thương Hà Nội, Thạc sỹ Tài chính tại CFVG. Bằng các kinh nghiệm sâu rộng, bà Trần Hải Yến cùng đồng sự đang tập trung đưa Tasco theo đuổi một chiến lược tài chính vững mạnh và phát triển bền vững.

Bà Trần Hải Yến cũng là gương mặt trẻ nhất trong HĐQT của Tasco và được kỳ vọng sẽ tạo ra nhiều bút phá mới cho công ty.



Bà Đỗ Thanh Hương
Thành Viên HĐQT
độc lập

Năm sinh: 1964

Quê quán: Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ QTKD

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

Bà Hương có hơn 20 năm kinh nghiệm đảm nhận nhiều vị trí quản lý cao cấp ngành tài chính, đầu tư tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Bà là người xây dựng thành công đội ngũ Phân tích và Tư vấn đầu tư đầu tiên trên Thị trường chứng khoán Việt Nam.

Đến với Tasco với vai trò thành viên Hội đồng quản trị độc lập, bà Hương tiếp tục khẳng định năng lực lãnh đạo của mình, sát cánh cùng những thành viên Hội đồng quản trị xây dựng Tasco phát triển, quản trị doanh nghiệp minh bạch và hiệu quả, hướng tới sự ủng hộ, tin tưởng của các Cổ đông và Nhà đầu tư

Bà là Thạc sỹ QTKD trường Solvey Business School – ULB – Vương quốc Bỉ

• Ban điều hành



Ông Nguyễn Đình Siêu
Phó Tổng Giám Đốc

Năm sinh: 1970

Nguyên quán: Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Kiến trúc sư

Số cổ phần nắm giữ: 239.440 cổ phần (Tỷ lệ: 0,09%)

Xuất phát điểm là tư vấn giám sát của chủ đầu tư Công ty LD Quốc tế Hồ Tây. Sau đó, với những nỗ lực của mình, Ông trở thành Giám đốc Công ty CP Thương Mại Đầu tư tổng hợp và hợp tác Quốc tế GELEXIM – Chi nhánh Hà Nội.

Bắt đầu gia nhập công ty Tasco từ năm 2010 với vị trí chuyên viên Phòng quản lý dự án.

Với kiến thức, kinh nghiệm, năng lực và sự nhiệt huyết của mình, ông Siêu đã thuyết phục được ban lãnh đạo công ty tin tưởng và bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc phòng Quản lý dự án.

Ông Siêu nắm giữ chức vụ Phó TGD khối Quản lý dự án từ năm 2012 đến nay.



Ông Khuất Trung Thắng
Phó Tổng Giám Đốc

Năm sinh: 1974

Nguyên quán: Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Kỹ Sư Xây Dựng

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

Ông Khuất Trung Thắng gia nhập Tasco từ năm 2016 và hiện đảm nhiệm vị trí Phó TGD khối Đầu tư. Ông Khuất Trung Thắng tốt nghiệp Kỹ sư xây dựng – Trường Đại học Xây dựng Hà Nội và là chuyên gia có gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng các dự án Bất động sản. Trước khi làm việc tại Tasco, ông Thắng là Ủy Viên HĐQT kiêm Phó TGD Công ty CP Đầu tư phát triển nhà HUD2 - Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị (HUD). Với kinh nghiệm và chuyên môn sâu trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản, ông Thắng được kỳ vọng sẽ góp phần đưa lĩnh vực Bất động sản của Công ty phát triển vững chắc, chuyên nghiệp.

6. Định hướng phát triển:



Trong suốt hành trình 50 năm hình thành và phát triển, Tasco đã khẳng định được vị thế trong lĩnh vực xây dựng, Hạ tầng giao thông và đầu tư Bất động sản tại Việt Nam.

Với quan điểm chiến lược đầu tư: Đánh nhanh, thắng nhanh, bảo toàn vốn, nâng cao năng lực cạnh tranh, gia tăng giá trị dài hạn, định hướng chiến lược phát triển của Công ty dựa trên những nền tảng quan trọng sau đây:

BẤT ĐỘNG SẢN

Lấy năng lực lõi là chủ đầu tư các dự án Hạ tầng giao thông để đầu tư Bất động sản theo hình thức đổi đất lấy hạ tầng.

CÔNG NGHỆ

Đầu tư hệ thống thu phí tự động không dừng trên toàn quốc và mở rộng phát triển công nghệ thu phí sang lĩnh vực khác: như bãi đỗ xe, thu phí nội đô, vé điện tử xe bus, tàu điện trên cao,...

NĂNG LƯỢNG

Phát triển thị trường lĩnh vực Năng lượng theo các loại hình sản phẩm điện mặt trời, điện gió tại các địa bàn có lợi thế về điều kiện tự nhiên.

HẠ TẦNG GIAO THÔNG

Phát triển thị trường lĩnh vực thầu xây lắp theo các loại hình sản phẩm về Hạ tầng: Cầu, đường, thủy lợi, bến cảng, sân bay, hầm, metro, đường sắt.

LĨNH VỰC ĐẦU TƯ MỚI

Thâm nhập vào 1 số lĩnh vực đầu tư mới, phục vụ mục tiêu phát triển, thay thế các sản phẩm đầu tư không còn phù hợp.

7. Các nhân tố rủi ro:



Khung quản trị rủi ro (QTRR) Công ty được xây dựng theo Tiêu chuẩn quốc tế ISO 31000 với sự tư vấn của một trong những công ty tư vấn quản trị rủi ro uy tín. Khung QTRR Công ty gồm các nội dung chính sau:

- Mục tiêu, nguyên tắc của hoạt động QTRR Công ty.
- Cấu trúc Quản trị rủi ro.
- Thông số rủi ro.
- Danh mục rủi ro và Hồ sơ rủi ro chính.
- Chế độ báo cáo của từng cấp.

▪ Hoạt động QTRR Công ty đảm bảo các nguyên tắc chính:

- Xây dựng phải phù hợp với môi trường bên trong và bên ngoài của Công ty, có tính hệ thống, dựa trên thông tin sẵn có tốt nhất, xem xét đến yếu tố con người và văn hóa, từ đó trở thành một phần của quá trình ra quyết định của Ban lãnh đạo Công ty.
- Xây dựng phải phù hợp với hoạt động SXKD và là một bộ phận không thể tách rời của các hoạt động của Công ty (từ xây dựng chiến lược, lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, đưa ra quyết định đầu tư đến các hoạt động điều hành, vận hành).
- Có sự tham gia kịp thời và phù hợp của các bên có liên quan, đặc biệt là cấp ra quyết định.
- Được cải tiến liên tục, áp dụng các thông lệ tiên tiến của ngành và hỗ trợ cho hoạt động cải tiến của Công ty.

▪ Cấu trúc QTRR Công ty được xây dựng với 3 tầng:

- Tầng 1 là các Khối/Phòng/Ban chức năng trực tiếp sở hữu rủi ro (chủ rủi ro), quản lý rủi ro thông qua việc duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả và thực hiện các quy trình nghiệp vụ.
- Tầng 2 là Phòng Quản lý Chất lượng & Rủi ro, thực hiện hướng dẫn, giám sát hoạt động QLRR của các Chủ rủi ro và báo cáo thông tin rủi ro trong toàn Công ty.
- Tầng 3 là Tiểu Ban KT&QTRR trực thuộc HĐQT, thực hiện các hoạt động đánh giá độc lập và đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của hoạt động QTRR.

Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện các hoạt động theo Quy trình Quản trị rủi ro Công ty với các hoạt động chính sau: Căn cứ mục tiêu, định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh để rà soát Thông số rủi ro, Danh sách các rủi ro chính để nhận diện những rủi ro mới, từ đó đã xây dựng/cập nhật Hồ sơ rủi ro; Định kỳ đánh giá tình hình thực hiện các biện pháp xử lý rủi ro đã đề ra.

Các rủi ro của Công ty được phân loại thành 4 nhóm chính gồm: Nhóm Rủi ro chiến lược; Nhóm Rủi ro hoạt động; Nhóm Rủi ro tài chính và Nhóm Rủi ro tuân thủ. Một số rủi ro chính của Công ty như sau:

Nhóm Rủi ro	Tên Rủi ro	Mô tả Rủi ro	Các biện pháp quản trị
Nhóm Rủi ro về chiến lược	Rủi ro quản trị chiến lược	Rủi ro quản trị chiến lược có thể dẫn đến xây dựng các mục tiêu chiến lược chưa phù hợp, chưa bắt kịp với thay đổi của môi trường kinh doanh, các hoạt động triển khai chiến lược chưa được thực hiện đầy đủ, hiệu quả.	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện và tuân thủ các Quy trình Quản trị chiến lược, Quy trình Thu thập, phân tích thông tin thị trường để nâng cao hiệu quả công tác xây dựng, triển khai chiến lược. - Tăng cường nhân sự có kinh nghiệm cho hoạt động nghiên cứu thị trường.
Nhóm Rủi ro về hoạt động	Rủi ro đánh giá cơ hội đầu tư	Rủi ro đánh giá cơ hội đầu tư liên quan đến việc đưa ra các quyết định đầu tư chưa phù hợp do chưa nghiên cứu đầy đủ về thị trường, năng lực của khách hàng, tính khả thi, khả năng sinh lợi của dự án cũng như chưa dứt khoát trong quyết định đầu tư dẫn đến bỏ lỡ các cơ hội đầu tư tiềm năng.	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện và tuân thủ các Quy trình Quản trị chiến lược, Quy trình Tìm kiếm, đánh giá, phê duyệt Cơ hội đầu tư; Quy trình Thu thập, phân tích thông tin thị trường để nâng cao hiệu quả công tác tìm kiếm, phê duyệt cơ hội đầu tư. - Xây dựng tiêu chí sàng lọc dự án phù hợp. - Xây dựng chính sách khen thưởng để khuyến khích sự tham gia của các cấp trong công tác tìm kiếm cơ hội đầu tư.
	Rủi ro về nhân sự	Rủi ro về nhân sự liên quan đến số lượng, chất lượng không bắt kịp nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty, khó khăn trong việc triển khai các kế hoạch sản xuất kinh doanh và hoàn thành các mục tiêu đã đặt ra, rủi ro phát sinh do khả năng đào tạo phát triển nhân sự nội bộ chưa đáp ứng được yêu cầu, còn thiếu các chính sách phù hợp để giữ chân được các nhân sự có năng lực/kinh nghiệm/kỹ năng tốt.	<ul style="list-style-type: none"> - Quan tâm công tác hoạch định nhân sự kế thừa ở đội ngũ lãnh đạo cấp cao. - Định kỳ đánh giá năng lực để xây dựng kế hoạch phát triển cá nhân để đào tạo đúng, đủ, phù hợp với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh. - Hoàn thiện chính sách quản trị nhân sự, quy định rõ ràng, minh bạch về cơ chế xác định thu nhập gắn với kết quả công việc. - Đẩy mạnh phong trào đào tạo nội bộ để tận dụng, phát huy kiến thức, kinh nghiệm của đội ngũ nội bộ. - Chú trọng xây dựng môi trường làm việc tốt để nâng cao năng lực cạnh tranh trong thu hút nguồn nhân lực.

Nhóm Rủi ro về tài chính	Rủi ro về khả năng thanh toán	Rủi ro về khả năng đảm bảo thanh toán các khoản nợ đến hạn bất cứ lúc nào, có thể dẫn đến chậm tiến độ các dự án đầu tư, mất uy tín đối với khách hàng và đối tác.	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện và tuân thủ các Quy trình Quản lý Kế hoạch sản xuất kinh doanh, - Xây dựng nguyên tắc quản lý dòng tiền, xác định các rủi ro kèm theo các kịch bản hoạt động. - Xây dựng quy định rà soát, đánh giá định kỳ các khoản công nợ.
Nhóm Rủi ro về tuân thủ	Rủi ro pháp lý	<p>Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật chung như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật chuyên ngành như Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư, các văn bản dưới luật như Nghị định về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, Nghị định về Quản lý chất lượng công trình xây dựng, Nghị định về Đầu tư tư hợp tác công tư..... Mặt khác, do đã là công ty đại chúng và có cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán, Công ty còn chịu sự điều chỉnh của các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Hiện nay, hệ thống luật pháp đang trong quá trình hoàn thiện, sửa đổi. Để tạo ra một hành lang pháp lý thuận lợi, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, đáp ứng các chuẩn mực, thông lệ Quốc tế trong quá trình hội nhập, Quốc hội đã ban hành nhiều bộ luật mới. Bên cạnh đó, Chính phủ cũng đã xây dựng chiến lược phát triển cơ sở hạ tầng, đặc biệt hạ tầng giao thông. Với hệ thống pháp luật, chính sách đang được xây dựng và thực thi theo hướng đồng bộ, nhất quán, sẽ tạo nhiều thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp hoạt động xây dựng như Công ty nói riêng. Tuy nhiên, nếu Công ty không nắm bắt kịp sự thay đổi của hệ thống pháp luật thì có thể gây ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Công ty có bộ phận pháp chế chuyên trách. - Chú trọng công tác nghiên cứu, tham gia quá trình dự thảo các quy định, cập nhật định kỳ/đợt xuất các thay đổi pháp luật, xây dựng bản tin pháp luật hàng quý để phân tích các rủi ro/ảnh hưởng của thay đổi quy định đến hoạt động sản xuất kinh doanh. - Tăng cường đào tạo nội bộ để nắm vững các quy định pháp luật.

- **Quản lý rủi ro liên quan đến môi trường**

Rủi ro về môi trường liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là không cao. Tuy nhiên, để thực hiện sứ mệnh mang đến cho cộng đồng các sản phẩm nhà ở, khu đô thị, hạ tầng giao thông hài hòa với thiên nhiên, phù hợp với sự phát triển của văn minh xã hội, Công ty luôn chú trọng việc tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan đến yếu tố môi trường bằng các giải pháp cụ thể như: thực hiện đánh giá tác động môi trường trước khi thực hiện các dự án; đã và đang nỗ lực tìm kiếm cơ hội để phát triển các dự án năng lượng tái tạo (điện mặt trời, điện gió, điện mái nhà...); xây dựng các định mức chi phí để tiết kiệm việc tiêu thụ năng lượng trong văn phòng.



II. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021

1. Tổng quan tình hình tài chính Công ty:

a. Tình hình tài sản/nguồn vốn:

Đơn vị tính: Triệu đồng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			TĂNG TRƯỞNG NĂM 2020	
Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Giá trị	Tỷ lệ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	2.311.131	1.462.839	(848.292)	-36,70%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	146.077	219.323	73.246	50,14%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	61.404	46.920	(14.484)	-23,59%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	1.851.736	975.470	(876.266)	-47,32%
IV. Hàng tồn kho	38.274	124.428	86.154	225,10%
V. Tài sản ngắn hạn khác	213.640	96.699	(116.942)	-54,74%
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	8.706.869	8.695.631	(11.238)	-0,13%
I. Các khoản phải thu dài hạn	142.934	122.984	(19.950)	-13,96%
II. Tài sản cố định	5.762.835	6.238.521	475.686	8,25%
III. Bất động sản đầu tư	-	-	-	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	1.800.048	1.136.983	(663.065)	-36,84%
V. Đầu tư tài chính dài hạn	500.165	350.744	(149.421)	-29,87%
VI. Tài sản dài hạn khác	499.985	845.623	345.638	69,13%
VII. Lợi thế thương mại	902	776	(126)	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	11.018.000	10.158.471	(859.530)	-7,80%
C - NỢ PHẢI TRẢ	7.803.075	7.197.645	(605.430)	-7,76%
I. Nợ ngắn hạn	1.659.284	1.194.863	(464.421)	-27,99%
II. Nợ dài hạn	6.143.791	6.002.782	(141.009)	-2,30%
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	3.214.926	2.960.826	(254.100)	-7,90%
I. Vốn chủ sở hữu	3.214.926	2.960.826	(254.100)	-7,90%
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-	-	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	11.018.000	10.158.471	(859.530)	-7,80%

b. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH			TĂNG TRƯỞNG NĂM 2020	
CHỈ TIÊU	Năm 2019	Năm 2020	Giá trị	Tỷ lệ
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.107.222	750.525	(356.697)	-32,22%
2. Giá vốn hàng bán	764.741	665.348	(99.393)	-13,00%
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	342.481	85.177	(257.304)	-75,13%
4. Doanh thu hoạt động tài chính	104.740	60.298	(44.443)	-42,43%
5. Chi phí tài chính	257.193	237.597	(19.596)	-7,62%
6. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	12.859	(10.965)	(23.824)	-185,26%
7. Chi phí bán hàng	15.021	28.258	13.237	88,12%
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	112.326	121.014	8.688	7,73%
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	75.540	(252.358)	(327.899)	-434,07%
10. Lợi nhuận khác	(2.656)	5.335	7.991	-300,85%
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	72.884	(247.023)	(319.908)	-438,93%
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.222	(3.581)	(31.803)	-112,69%
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	44.662	(243.443)	(288.105)	-645,08%
14. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	53.588	(235.062)	(288.649)	-538,65%
15. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(8.925)	(8.381)	544	-6,10%

2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu	Năm 2020			So với năm 2019
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ đạt kế hoạch (%)	
1	Tổng doanh thu	900.000	761.665	84,63%	67,78%
2	Lợi nhuận sau thuế	25.000	(235.062)	-940,25%	-438,65%

Trong năm 2020, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã nỗ lực trong công tác bán hàng và thực hiện đầu tư tại các dự án để hoàn thành và bàn giao cho khách hàng, đồng thời không ngừng tìm kiếm và khởi động dự án đầu tư mới. Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2020 bằng 84,63% so với kế hoạch năm và bằng 67,78% so với năm 2019.

Mặc dù đã nỗ lực hết sức nhưng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020 không đạt so với Kế hoạch đã được ĐHCĐ thông qua do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- **Hoạt động thu phí không dừng**: Mặc dù doanh thu từ hoạt động thu phí không dừng tăng so với cùng kỳ năm trước nhưng chi phí tăng nhiều do đây là giai đoạn đầu của dự án nên các chi phí triển khai rất lớn trong khi doanh thu của dự án chỉ tăng dần vào các năm sau, dẫn tới lợi nhuận của hoạt động này thấp hơn so với năm trước.

- **Hoạt động thu phí BOT**: Tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu thu phí đường bộ, đồng thời trong năm 2020 phát sinh chi phí trung tu của dự án BOT Quảng Bình, dẫn đến lợi nhuận từ hoạt động thu phí giảm.

- **Hoạt động kinh doanh Bất động sản**: trước đây Công ty thực hiện hạch toán giá vốn tiền sử đất của Dự án Khu nhà ở sinh thái Xuân Phương căn cứ theo quyết định số 5709/QĐ-UBND ngày 04/11/2014. Tuy nhiên sau khi Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội thực hiện rà soát lại, nghĩa vụ tài chính về đất của toàn dự án tăng 105.094.540.691 đồng, khiến giá vốn của dự án tăng lên.

3. Tình hình tài chính của Công ty:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản/Tổng nguồn vốn	11.018.000	10.158.471	-7,80%
Tài sản ngắn hạn	2.311.131	1.462.839	-36,70%
Tài sản dài hạn	8.706.869	8.695.631	-0,13%
Nợ phải trả	7.803.075	7.197.645	-7,76%
Doanh thu thuần	1.107.222	750.525	-32,22%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	75.540	(252.358)	-434,07%
Lợi nhuận khác	(2.656)	5.335	-300,85%
Lợi nhuận trước thuế	72.884	(247.023)	-438,93%
Lợi nhuận sau thuế	44.662	(243.443)	-645,08%
Tỷ lệ trả cổ tức	0%	0%	

Tổng tài sản của Công ty năm 2020 là 10.158.471 triệu đồng, giảm 7,8% so với năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu do ngày 06/10/2020 có quyết định số 4522/QĐ-UBND về việc phê duyệt kết quả rà soát nghĩa vụ tài chính Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở sinh thái Xuân Phương, làm giảm khoản phải thu từ UBND Từ Liêm số tiền là 784 tỷ đồng.

Đồng thời, đây cũng là nguyên nhân ghi giảm khoản phải trả khác Tiền sử dụng đất dự án Khu nhà ở sinh thái Xuân Phương ảnh hưởng đến tổng nguồn vốn giảm 605,4 tỷ đồng so với năm 2019 tương đương giảm 7,76%.

Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị dự kiến xin thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 việc không chi trả cổ tức năm 2019.

4. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	1,39	1,22
- Hệ số khả năng thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,37	1,12
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,71	0,71
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,43	2,43
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
- Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/HTK BQ)	34,37	8,18
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,10	0,07
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Hệ số LN sau thuế/ Doanh thu thuần (%)	4,03%	-32,44%
- Hệ số LN sau thuế/ Vốn CSH bình quân (%)	1,39%	-8,22%
- Hệ số LN sau thuế/ Tổng tài sản (%)	0,41%	-2,40%
- Hệ số LN từ hoạt động KD/Doanh thu thuần (%)	6,82%	-33,62%



5. Tổ chức và nhân sự

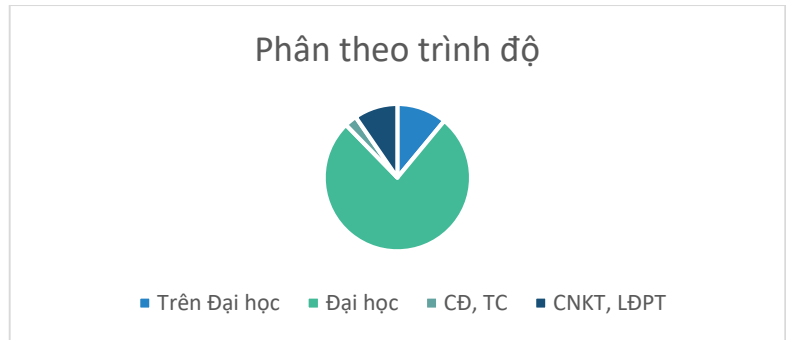
5.1. Danh sách Ban điều hành: (xem tại trang 13 -15)

5.2. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

5.2.1. Số lượng cán bộ nhân viên:

Số lượng lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 là 73 người, trong đó:

- Phân theo trình độ
 - + Trên đại học 08
 - học 56
 - + Đại học 02
 - + Cao đẳng, trung cấp 07
 - + Công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông



- Phân theo chức năng
 - + Lao động gián tiếp 35
 - + Lao động trực tiếp 38



5.3.2. Chính sách đối với người lao động:



Nhằm vươn tới mục tiêu phát triển bền vững và lâu dài, Công ty đã xây dựng và thực hiện chính sách đối với người lao động theo định hướng sau:

- Hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để người lao động phát huy khả năng trong học tập nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ.
- Đào tạo và sắp xếp nguồn nhân lực phù hợp với tình hình phát triển của Công ty.
- Đảm bảo công việc đầy đủ cho người lao động, đảm bảo thu nhập phù hợp với khả năng cống hiến và thị trường.
- Thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ đối với người lao động theo đúng với chế độ, chính sách quy định.
- Có chính sách khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có công lao đóng góp cho Công ty, có biện pháp kỷ luật đối với những cá nhân có hành động ảnh hưởng xấu đến quyền lợi và uy tín Công ty.
- Có chính sách đãi ngộ thu hút lao động giỏi, phù hợp về Công ty và chính sách khuyến khích CBCNV gắn bó, làm việc lâu dài tại Công ty như: chính sách thăm quan du lịch cho CBCNV, chính sách chăm sóc sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ, chính sách nghỉ lễ, tết, ốm đau, thai sản, hiếu, hỷ...

- Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động tập thể nhân dịp kỷ niệm những ngày lễ lớn và khuyến khích, động viên tinh thần người lao động như: Tết thiếu nhi, tết trung thu, kỷ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3; kỷ niệm ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10; thưởng cho con em CBCNV đạt thành tích cao trong học tập;...

- Nhằm nâng cao tinh thần làm việc và trách nhiệm với xã hội công ty còn định kỳ tổ chức Teambuilding, phối hợp với các tổ chức đoàn thể để tham gia các hoạt động từ thiện

- Hàng năm, Công ty cũng luôn xây dựng kế hoạch, thực hiện đào tạo và đào tạo lại, trình độ cho người lao động bằng nhiều hình thức, nhằm phát triển đội ngũ cán bộ công nhân viên, đáp ứng yêu cầu đa dạng hóa ngành nghề của Công ty, theo kịp trình độ công nghệ của các nước tiên tiến trên thế giới.

- Công ty xây dựng chính sách đào tạo cho riêng từng cấp: cho cấp quản lý và cho nhân viên, điều này chứng tỏ Ban lãnh đạo Công ty rất chú trọng đến công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, cũng chính là tạo điều kiện và cơ hội cho toàn thể CBNV của mình phát huy năng lực, khẳng định bản lĩnh của cá nhân trong xu thế phát triển của Công ty.

6. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Trong năm 2020, Ban Tổng Giám đốc đã tập trung công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh, tập trung vào một số việc như sau:

- Phân công trách nhiệm và phân định rõ quyền và phương pháp trao đổi, phối hợp giữa Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị;

- Vận hành hệ thống Kế hoạch - Báo cáo toàn Công ty; áp dụng và duy trì Hệ thống KPI trong toàn hệ thống gắn kết giữa mục tiêu từ Công ty - các khối - các phòng - ban và từng CBNV Công ty;

- Xây dựng kế hoạch công việc, xác lập và đánh giá mục tiêu của từng bộ phận theo từng tháng, quý, kiểm soát tiến độ của các công việc trọng yếu;

- Thường xuyên, liên tục rà soát kế hoạch tài chính, kế hoạch dòng tiền nhằm cân đối tài chính trong điều kiện nguồn vốn khó khăn, đảm bảo dòng tiền phục vụ cho SXKD, chi trả nợ vay ngân hàng;

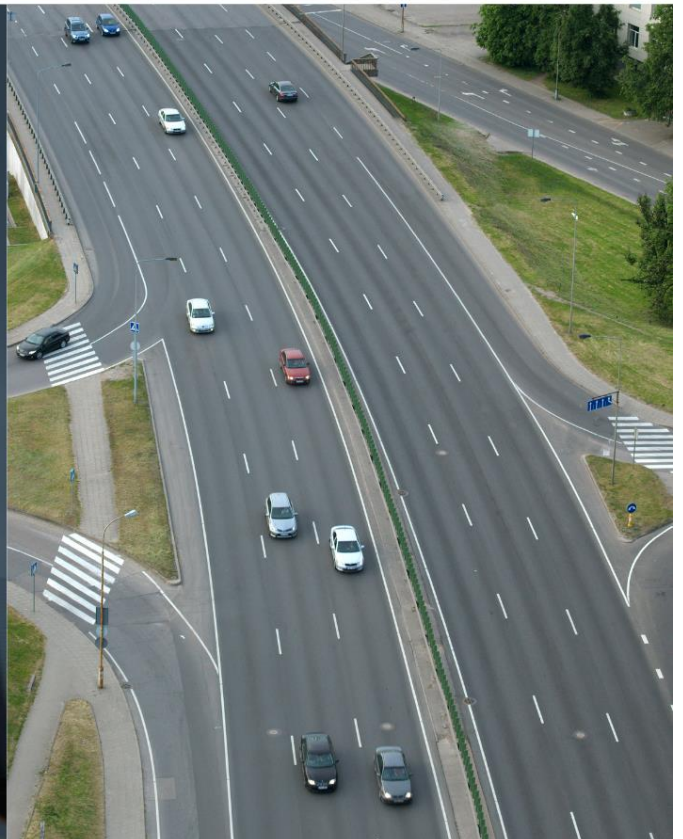
- Công tác phát triển nguồn nhân lực: Duy trì công tác đánh giá năng lực hàng năm đối với toàn thể CBNV, từ đó có kế hoạch và chương trình đào tạo phù hợp nhằm bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao và nhân sự kế thừa;

- Tiếp tục triển khai dự án tư vấn của Công ty TNHH KPMG nhằm nâng cao hệ thống kiểm soát nội bộ và đưa hệ thống quản trị rủi ro vào áp dụng nhằm hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh và bảo toàn vốn cho cổ đông;

- Duy trì hệ thống các quy trình theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015;

- Công tác công bố thông tin được thực hiện đầy đủ, kịp thời, trung thực theo đúng quy định của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và UBCKNN. Bên cạnh đó, đẩy mạnh và chú trọng công tác Quan hệ cổ đông, thường xuyên gặp gỡ, trao đổi với các nhà đầu tư, quỹ đầu tư, các nhà môi giới, chuyên gia phân tích của các công ty chứng khoán.

7. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án



CÁC DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

KHU ĐÔ THỊ SINH THÁI XUÂN PHƯƠNG



- **Vị trí:** Phường Xuân Phương, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội
- **Diện tích:** 38ha
- **Quy mô:** 813 căn nhà ở thấp tầng (biệt thự đơn lập, song lập, nhà liền kề, nhà shop-house)
- **TMĐT:** 2.850 tỷ đồng
- **Chức năng:** Foresa Villa tọa lạc tại trung tâm quận Nam Từ Liêm, là khu đô thị sinh thái đầu tiên tại Hà Nội mang lại cảm xúc thiên nhiên

xanh tựa “Rừng Trong Phố”, với công viên trung tâm rộng hơn 4ha, mật độ xây dựng thấp 30%, cùng diện tích cây xanh mặt nước rộng lớn. Cư dân Foresa không chỉ tận hưởng không gian xanh trong lành mà còn hưởng lợi từ hệ thống hạ tầng hoàn thiện và các tiện ích nội khu thuận lợi.

- **Tiến độ bán hàng:** Đã bán được 535/813 căn (278 căn còn lại là của nhà đầu tư thứ cấp), hiện đã bàn giao toàn bộ và đang thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho khách hàng.

NHÀ Ở CBNV BÁO NHÂN DÂN VÀ VĂN PHÒNG TRUNG ĐẲNG



- **Vị trí:** P.Xuân Phương – Q.Nam Từ Liêm – TP.Hà Nội
- **Diện tích:** 3,95 ha
- **Quy mô:** 6 tòa chung cư cao 17 tầng, 126 căn nhà liền kề
- **TMĐT:** 1.100 tỷ đồng
- **Chức năng:** Nhà ở thấp tầng và nhà ở chung cư cao tầng. Tiện ích:

khu vui chơi ngoài trời cho trẻ em vào các khoảng xanh công viên nhỏ, bố trí đan xen giữa các tòa nhà mang đến cảnh quan đẹp, môi trường sống nhẹ nhàng, thanh bình, là nơi các cư dân thoải mái bước dạo chơi sau một ngày làm việc mệt mỏi.

- **Công tác bán hàng của dự án:**
 - Nhà cao tầng:

- Lô 3 (gồm 2 tòa E, F) cao 17 tầng, trong đó phần của Tasco được kinh doanh là 4 tầng của mỗi tòa (từ tầng 14-17): Đã bán, bàn giao và cấp Giấy chứng nhận cho toàn bộ 234/234 căn..
- Lô 1,2 (gồm 4 tòa A,B,C,D) cao 17 tầng, trong đó phần của Tasco được kinh doanh là 4 tầng của mỗi tòa (từ tầng 14-17): Đã bán và bàn giao cho toàn bộ khách hàng 408/408 căn.
- Hiện còn 02 sàn thương mại đang thực hiện bán hàng.
 - Nhà thấp tầng: Đã thực hiện bán bàn giao và cấp Giấy chứng nhận cho toàn bộ 126/126 căn..



CHUNG CƯ SOUTH BUILDING



văn phòng, khu dịch vụ thuận tiện. Bên cạnh đó cư dân sinh sống sẽ được hưởng lợi từ không gian trong lành từ công viên Yên Sở.

- **Tiến độ bán hàng:** Đã bán, bàn giao và cấp Giấy chứng nhận cho toàn bộ 140/140 căn và 2 sàn thương mại.

- **Vị trí:** Khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Q.Hoàng Mai, TP.Hà Nội
- **Diện tích:** 2.173 m²
- **Quy mô:** Tòa nhà cao 16 tầng
- **TMĐT:** 211 tỷ đồng
- **Chức năng:** Có chức năng hỗn hợp gồm văn phòng, TMDV và căn hộ chung cư
- **Tiện ích:** tòa nhà duy nhất sở hữu 2 tầng hầm rộng, bao gồm nhà trẻ,

KHU ĐÔ THỊ FORESA MỸ ĐÌNH



bao gồm các tiện ích kèm theo như: nhà trẻ, trường tiểu học, khu trung tâm thương mại dịch

- **Vị trí:** P. Xuân Phương – Q.Nam Từ Liêm – TP.Hà Nội
- **Diện tích:** 49ha
- **Quy mô:** 660 căn hộ thấp tầng (biệt thự đơn lập, song lập, nhà liền kề, nhà shop-house)
- **TMĐT:** dự kiến 3.500 tỷ đồng
- **Chức năng:** Khu đô thị sinh thái

vụ, nhiều cây xanh, khu công viên công cộng...mang tới cho cư dân một cuộc sống hoàn hảo, tiện nghi và lãng mạn, đồng thời tạo nên những điểm nhấn khác biệt.

• **Tiến độ dự án:** Dự án đã được phê duyệt quy hoạch 1/500 và được UBND thành phố Hà Nội chấp thuận làm chủ đầu tư dự án. Hiện dự án đang trong quá trình giải phóng mặt bằng cũng như hoàn thiện các thủ tục pháp lý để triển khai đầu tư dự án.

DỰ ÁN 48 TRẦN DUY HƯNG



- **Vị trí:** P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
- **Diện tích:** 2.800m²
- **Quy mô:** Tòa nhà cao 25 tầng
- **TMĐT:** 700 tỷ đồng
- **Chức năng:** Khu căn hộ cao cấp kết hợp văn phòng cho thuê, Tòa nhà 48 Trần Duy Hưng là dự án căn hộ cao cấp kết hợp văn phòng cho thuê giữa trung tâm thành phố Hà Nội. Với lợi thế vị trí và hạ tầng kết nối hoàn hảo, dự án được kỳ vọng sẽ đem lại một điểm nhấn mới và là sự lựa chọn của nhiều khách hàng, doanh nghiệp.

Hiện công ty đang tập trung công tác GPMB cũng như hoàn thiện các thủ tục pháp lý của dự án để triển khai đầu tư dự án.

DỰ ÁN XÂY DỰNG NHÀ Ở CHO CBNV BỘ NGOẠI GIAO



- **Vị trí:** Đường Trần Quốc Hoàn, Q.Cầu Giấy, TP.Hà Nội
- **Diện tích:** 13.687 m²
- **Quy mô:** 02 tòa bao gồm 4 đơn nguyên 810 căn hộ, có chiều cao từ 33 - 35 tầng
- **TMĐT:** 2.366 tỷ đồng
- **Chức năng:** Với thiết kế hiện đại và vị trí trung tâm, dự án Nhà ở cho CBNV Bộ Ngoại Giao gây ấn tượng cho khách hàng bằng tiện ích hoàn hảo với khu shop house sầm uất, bể bơi, phòng gym, khu sinh hoạt cộng đồng trên

cao và sân chơi trẻ em...

Hiện nay công ty đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý với các cơ quan nhà nước để có thể triển đầu tư dự án.

Lợi nhuận gộp của dự án là 12%/tổng mức đầu tư.

DỰ ÁN TÒA NHÀ VĂN PHÒNG TASCO



hoàn thiện các thủ tục pháp lý với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để triển khai thực hiện đầu tư dự án

- **Vị trí:** P.Trung Hòa, Q.Cầu Giấy, TP.Hà Nội
- **Diện tích:** 2.800m²
- **Quy mô:** 25 tầng, là tổ hợp khách sạn, văn phòng cho thuê, trung tâm thương mại, không gian sinh hoạt cộng đồng và office-tel
- **TMĐT:** 700 tỷ đồng
- **Chức năng:** Tòa nhà Tasco tọa lạc tại đường Dương Đình Nghệ - trung tâm đô thị mới của quận Cầu Giấy, với các chức năng thương mại được thiết kế hài hòa nhằm tối ưu hóa công năng sử dụng và tận dụng tầm nhìn trên cao hướng ra bốn phía thành phố.
- **Tiến độ dự án:** Hiện công ty đang

DỰ ÁN HẠ TẦNG GIAO THÔNG



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

Dự Án BOT Quảng Bình (Nâng Cấp Mở Rộng QL1)



- **Quy mô dự án:** Tiêu chuẩn đường phố chính đô thị thứ yếu + Đường cấp III đồng bằng
- **Tổng mức đầu tư dự án:** 1.983 tỷ đồng
- **Thời gian hoàn vốn dự kiến của dự án:** 21 năm 9 tháng tính từ tháng 7/2015.

Dự Án BOT Quốc Lộ 10 (Quán Toan – Cầu Ngàn)

- **Tổng mức đầu tư dự án:** 2.815 tỷ đồng
- **Quy mô đường:** phố chính đô thị thứ yếu + Đường cấp III đồng bằng
- **Thời gian hoàn vốn dự kiến của dự án:** 14 năm 11 tháng
- **Tiến độ dự án:** Đã hoàn thành toàn bộ dự án và đưa vào sử dụng tháng 3/2018. Hiện nhà đầu tư đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý và bắt đầu thu phí hoàn vốn cho dự án từ ngày 04/01/2019



Dự Án BOT tuyến tránh Đông Hưng - Thái Bình



Tổng mức đầu tư dự án: 434 tỷ đồng

- **Quy mô đường:** cấp II đồng bằng
- **Tiến độ dự án:** đã hoàn thành đưa vào sử dụng từ tháng 5/2018. Hiện nhà đầu tư đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về trạm thu phí cũng như triển khai đầu tư trạm thu phí tại dự án để thực hiện thu phí hoàn vốn cho dự án;

+ Thời điểm tổ chức thu phí (dự kiến): 01/5/2021;

+ Thời gian thu phí hoàn vốn dự kiến là: 8 năm 3 tháng.

Dự Án BOT 21 (Tuyến Đường Tránh thành phố Nam Định)



- **Tổng mức đầu tư dự án:** 487 tỷ đồng
- **Quy mô đường:** đường phố chính đô thị
- **Thời gian hoàn vốn dự án:** 18,5 năm tính từ tháng 8/2009 đến tháng 12/2027.
- Tháng 7/2018 tạm dừng thu phí, đã thực hiện thu lại sau khi điều chỉnh giá phí từ 20/03/2019.

Dự án BOT 39 (Thanh Nê, Diêm Điền, Thái Bình)



- **Quy mô dự án:** Tổng chiều dài toàn tuyến: 16,62Km.
- **Tổng mức đầu tư dự án:** 550 tỷ đồng
- **Thời gian hoàn vốn dự kiến của dự án:** 18 năm tính từ 1/1/2017.

Dự Án BT 21 (Phủ Lý – Mỹ Lộc)



- Tổng mức đầu tư dự án: 3.800 tỷ đồng
- Quy mô đường: phố chính đô thị + Đường cấp III đồng bằng
- Thời gian thực hiện: 2010-2014
- Giá trị quyết toán: 3.761 tỷ đồng

Dự Án BT 39 Thanh Nê, Diêm Điền, Thái Bình



- Tổng mức đầu tư dự án: 1.882 tỷ đồng
- Quy mô đường: cấp III đồng bằng
- Thời gian thực hiện: 2010-2015
- Tiến độ thực hiện dự án: Hiện dự án đã hoàn thành bàn giao và đưa vào sử dụng
- Giá trị dự kiến quyết toán: 1.759 tỷ đồng

Dự Án BT Lê Đức Thọ (Đoạn từ đường Lê Đức Thọ đến Đường 70)



- Tổng mức đầu tư dự án: 1.543 tỷ đồng
- Tổng chiều dài toàn tuyến: 3,5 km; Quy mô đường đô thị.
- Tiến độ dự án: Dự án đã hoàn thành và đưa vào khai thác sử dụng từ 28/4/2017.
- Các dự án đối ứng để hoàn vốn cho dự án:
 - Khu nhà ở sinh thái Xuân Phương (Foresa Villa)
 - Dự án tòa nhà 48 Trần Duy Hưng
 - Đơn vị ở 1 (Foresa Mỹ Đình)

Dự Án BT 39 (qua địa phận các huyện Kiến Xương, Tiền Hải và Thái Thụy tỉnh Thái Bình)














- **Tổng mức đầu tư dự án:** 1.882 tỷ đồng
- **Quy mô đường:** Đường cấp III đồng bằng
- **Chiều dài tuyến:** 28,9Km
- **Thời gian thực hiện:** 2010-2016
- **Giá trị quyết toán:** 1.693 tỷ đồng



DỰ ÁN THU PHÍ KHÔNG DỪNG THEO HÌNH THỨC HỢP ĐỒNG BOO

Công ty cổ phần VETC – Công ty con của Tasco, được thành lập với mục tiêu trở thành nhà đầu tư và vận hành hệ thống thu phí tự động không dừng (ETC) trên nền tảng công nghệ RFID (của Mỹ). Mong muốn của VETC là mang đến giải pháp thu phí ứng dụng công nghệ hiện đại góp phần tăng tốc sự phát triển chung của lĩnh vực Giao thông Vận tải nói riêng và nền kinh tế nói chung.

LỢI ÍCH CỦA DỊCH VỤ

<p>Nhà nước</p>  <p>Xây dựng được cơ sở dữ liệu quốc gia về giao thông</p>	<p>Chủ phương tiện</p>  <p>Tiết kiệm thời gian Tiết kiệm nhiên liệu Tăng tuổi thọ xe</p>	<p>TIẾT KIỆM ÍT NHẤT</p> <p>3.400</p> <p>tỷ đồng/năm</p> <p>Tổng lợi ích kinh tế - xã hội mà hệ thống thu phí tự động đường bộ VETC mang lại cho Việt Nam</p> 
<p>Nhà đầu tư BOT</p>  Trách nhiệm thất thoát	<p>Xã hội</p>  Giảm ùn tắc	
 Tiết kiệm chi phí xây dựng trạm	 Giảm ô nhiễm	
 Tiết kiệm nhân sự trạm thu phí	 Giảm tai nạn (20%)	
 Tiết kiệm chi phí in vé giấy	 Giảm thanh toán bằng tiền mặt	

Theo quyết định của Bộ Giao thông vận tải, phạm vi dự án bao gồm 50 Trạm thu phí (TTP) trong đó: VETC thực hiện đầu tư lắp đặt là 25 trạm; Nhà đầu tư BOT lắp đặt và kết nối Back-End là 25 trạm.

Tình hình thực hiện cụ thể như sau:

a. Kết quả thực hiện công tác đầu tư:

- Trong tổng số 25 trạm thuộc trách nhiệm đầu tư của Công ty VETC, chúng tôi đã nỗ lực huy động nhân lực và đạt kết quả như sau:

Tính đến hết ngày 31/12/2020, Công ty VETC đã hoàn thành công tác đầu tư tại 25 trạm thu phí và đưa hệ thống ETC vào vận hành, đảm bảo đúng tiến độ theo quy định của Hợp đồng BOO và yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 19/2020/QĐ-TTg;

- Đối với 25 trạm kết nối do Nhà đầu tư BOT thực hiện đầu tư: Công ty VETC và Nhà đầu tư BOT đã thực hiện kết nối hệ thống, chạy vận hành toàn bộ các trạm trước ngày 31/12/2020, trừ : 01 trạm đang tạm dừng thu phí (trạm Cai Lậy - Tiền Giang, tỉnh Tiền Giang) và 01 trạm đã sẵn sàng thu phí ETC, đang chờ quyết định cho thu phí của CQNNCTQ (trạm Đông Hưng, tỉnh Thái Bình)

b. Về dán thẻ, sử dụng dịch vụ:

- Số lượng xe đã được dán thẻ đến nay là 1,081,756/4.200.000 xe (đạt 25,75% tổng số xe cả nước), tỷ lệ xe đã sử dụng dịch vụ thu phí ETC đạt 48,81%/tổng xe đã dán thẻ.

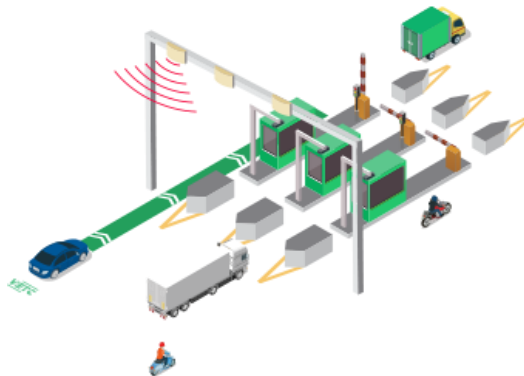
- Tại các trạm đã vận hành ETC: Tỷ lệ xe vé tháng/quý đã sử dụng hình thức ETC tại các trạm đã tiếp nhận toàn bộ đạt 100%, riêng trạm Toàn Mỹ 14 là 99%, trạm Phả Lại là 80% do mới tiếp nhận từ cuối tháng 12/2020. Doanh thu thu phí qua ETC trung bình đạt 39%/tổng doanh thu các trạm.

c. Kế hoạch triển khai đầu tư năm 2021:

- Đẩy mạnh việc ký kết Phụ lục hợp đồng BOO, Hợp đồng dịch vụ thu phí với các nhà đầu tư BOT để thực hiện triển khai đầu tư, kết nối toàn bộ các làn tại các trạm thu phí nằm trong dự án BOO và làm cơ sở để nhà đầu tư BOO thực hiện trích doanh thu theo phương án tài chính đã được duyệt.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông đến các chủ phương tiện về các tiện ích khi sử dụng hệ thống thu phí không dừng ETC.

- Đẩy mạnh công tác dán thẻ E-Tag trên phạm vi toàn quốc đặc biệt là tập trung vào các trung tâm cửa ngõ của Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.





Làn thu phí ETC tại Trạm Pháp Vân – Cầu Giẽ - Ninh Bình

Ngoài ra cần bổ sung:

- Ngoài các dự án trong BOO1: Đã và đang triển khai kết nối 14 trạm ngoài dự án (đã chạy 11 trạm, còn 03 trạm Tam Phước, Phước Tân (tỉnh Đồng Nai) và trạm Xa Lộ - Hà Nội (tp. HCM) đang chờ CQNNCTQ ban hành QĐ cho thu phí).
- Những chiến lược phát triển trong hệ sinh thái công nghệ mà VETC đang xây dựng: Thu phí nội đô, cầu cảng, bến bãi, kế hoạch hợp tác với các đối tác lớn nếu có, kế hoạch hợp tác thúc đẩy trên nền tảng công nghệ, xe hơi, bảo hiểm như vừa ký với VPI...



DỰ ÁN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

Đây là mảng đầu tư mới của Công ty, sau thành công của dự án Nhà Máy Điện Mặt Trời Thuận Nam 19, do Công Ty Cổ Phần Tasco Năng Lượng làm chủ đầu tư. Dự án nằm tại địa bàn Phước Minh, Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận với quy mô 49 MW; tổng mức đầu tư 1,356 tỷ đồng. Dự án đã hoàn thành và thực hiện phát điện thương mại vào tháng 06/2019.

Trong kỳ chiến lược giai đoạn từ năm 2021 – 2023, dựa trên những kinh nghiệm đã tích lũy được, Công ty sẽ tiếp tục tìm kiếm, nghiên cứu, xem xét để cân nhắc tiếp tục đầu tư vào các mảng điện gió, điện năng lượng mặt trời. Hiện tại, công ty đang nghiên cứu và triển khai các thủ tục đầu tư 02 dự án về điện gió, 01 dự án điện mặt trời tại các địa bàn Miền Trung, Tây Nguyên với tổng công suất dự kiến mỗi nhà máy là 100MW.



Dự án điện mặt trời Thuận Nam 19



Dự án điện gió Yang Bắc, Gia Lai

8. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Trong giai đoạn từ 2021 đến 2023, Chiến lược của công ty sẽ tập trung vào 4 định hướng chiến lược lớn như sau:

✚ Thứ nhất: Phát triển kinh doanh trên lợi thế và năng lực cốt lõi, trong đó định hướng đối với từng lĩnh vực đầu tư cụ thể như sau:

- **Lĩnh vực đầu tư Bất động sản:**

- Phát triển dự án BĐS được hưởng lợi từ hiệp định thương mại song phương, đa phương như: Hạ tầng khu công nghiệp, BĐS thương mại giá rẻ.
- Phát triển thị trường BĐS tại các tỉnh, thành phố có tiềm năng, đang trên đà đô thị hóa mạnh.
- Tìm kiếm, đánh giá hiệu quả để hợp tác cùng phát triển các dự án BĐS có quy mô vừa và nhỏ, có khả năng thực hiện đầu tư ngay trong năm 2021 – 2023.

- **Sản phẩm Công nghệ:**

- Xâm nhập thị trường lĩnh vực giao thông thông minh theo các loại hình sản phẩm: thu phí sử dụng đường bộ, thu phí nội đô, kiểm soát vé cầu cảng, sân bay.....
- Phát triển các sản phẩm dịch vụ trên nền tảng công nghệ ETC

- **Sản phẩm Năng lượng tái tạo:**

- Phát triển thị trường lĩnh vực Năng lượng theo các loại hình sản phẩm điện mặt trời, điện gió được hưởng chế độ ưu đãi tại các địa bàn có lợi thế về điều kiện tự nhiên và các chính sách thu hút đầu tư.

- **Lĩnh vực đầu tư hạ tầng giao thông:**

- Hoàn thành các thủ tục pháp lý và vận hành, khai thác các dự án BOT ổn định và đúng tiến độ đặt ra.
- Tìm kiếm đối tác trong và ngoài nước, hợp tác chiến lược trong lĩnh vực đầu tư khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các hạng mục thi công hạ tầng trong đó.

- **Lĩnh vực Thầu xây lắp:**

- Phát triển thị trường lĩnh vực thầu xây lắp theo các loại hình sản phẩm về Hạ tầng: Cầu, đường, thủy lợi, bến cảng, sân bay, hầm, metro, đường sắt.
- Tăng cường tìm kiếm các gói thầu vốn đầu tư từ ngân sách (TW và địa phương).

✚ Thứ hai : Thoái lui khỏi các lĩnh vực không phải là thế mạnh, có nguy cơ rủi ro cao, thiếu năng lực quản trị

Ổn định và nâng cao năng lực tài chính của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn trong việc tái cấu trúc nguồn vốn của Doanh nghiệp, giảm và/hoặc thoái vốn tại những lĩnh vực đầu tư không phải thế mạnh của Công ty. Đồng thời tập trung công tác thu hồi nợ, sẵn sàng nguồn lực tài chính cho các dự án đầu tư sắp tới.

✚ Thứ ba: Hợp tác với các đối tác để bổ sung năng lực còn thiếu

Mục tiêu nhằm nâng cao thương hiệu, năng lực cạnh tranh, giữ chân nhân sự với các ưu tiên là:

Tìm kiếm hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước có uy tín, kinh nghiệm, sẵn sàng là đối tác chiến lược trong các lĩnh vực Bất động sản, Điện năng lượng, Hạ tầng, Thầu xây dựng nhằm khai thác các cơ hội đầu tư, giảm bớt rủi ro, nâng cao hình ảnh thương hiệu, thu hút và giữ chân nhân sự.

Thứ tư : Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị

- Hoàn thiện hệ thống đội ngũ, kiện toàn hệ thống quản trị, nâng cao năng lực quản trị rủi ro trong đó đặc biệt chú trọng đến việc giữ và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong tất cả các bộ phận: đầu tư, quản lý dự án, pháp chế, tài chính, kế toán,...;
- Hoàn thiện hệ thống quản trị điều hành công ty dựa trên nguyên tắc công bằng, minh bạch, chuyên nghiệp, tối ưu chi phí đầu tư;
- Hoạch định và đào tạo nguồn nhân lực kế cận phù hợp với văn hóa.

Ngoài ra những chiến lược bổ trợ như:

- **Xây dựng thương hiệu Công ty**, văn hoá doanh nghiệp làm nền tảng cho việc xây dựng đội ngũ người lao động mang phong cách và văn hoá Tasco, xây dựng Tasco là ngôi nhà thứ hai, là mái nhà chung đối với người lao động.
- **Xây dựng chiến lược nguồn nhân lực**, hoạch định nguồn nhân lực trong từng giai đoạn phát triển của Công ty, có chính sách, chế độ đãi ngộ phù hợp để thu hút nhân tài. Xác định con người là nguồn lực quan trọng nhất trong tất cả các nguồn lực để phát triển sản xuất kinh doanh, là nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.
- **Xây dựng hoàn thiện hệ thống các quy chế quản lý để Hội Đồng Quản Trị** thực hiện kiểm soát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, kiểm tra việc đầu tư tài chính vào các công ty con thông qua hệ thống kiểm soát bằng các quy chế quản lý và hoạt động của hệ thống kiểm toán.
- **Xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến liên tục hệ thống quản trị chất lượng trong toàn công ty**, hoàn thiện các quy trình cho phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh.
- **Tất cả để hướng tới khách hàng**: Luôn tận tâm vì sự hài lòng của khách hàng, xây dựng mối quan hệ với các khách hàng nhằm tăng thêm giá trị, lợi ích và luôn vượt lên sự mong đợi của khách hàng.

III. BÁO CÁO QUẢN TRỊ:

1. Hội đồng quản trị Công ty:

1.1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ dự họp (%)	Lý do không tham dự họp
1	Ông Phạm Quang Dũng	Chủ tịch HĐQT	22	100%	
2	Ông Nguyễn Việt Tân	Phó Chủ tịch HĐQT	22	100%	
3	Bà Phạm Thị Chi	Thành viên HĐQT	22	100%	
4	Bà Trần Thị Thanh Tân	Thành viên HĐQT	0	0%	Lý do sức khỏe; Không còn là TV HĐQT từ ngày 29/06/2020
5	Bà Trần Hải Yến	Thành viên HĐQT	22	100%	
6	Bà Đỗ Thanh Hương	Thành viên HĐQT độc lập	22	100%	

1.2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc:

Thực hiện theo đúng quy định tại điều lệ của Công ty, các quy định, quy chế quản lý nội bộ và Pháp luật hiện hành, Hội đồng Quản trị đã giám sát Ban Tổng Giám đốc thông qua những hoạt động cụ thể như sau:

- Thường xuyên giám sát Ban điều hành thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội Đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, Điều lệ công ty đã ban hành.

- Giám sát công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư; đánh giá việc thực hiện kinh doanh, đầu tư để đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2020 đã đề ra.

- Giám sát tình hình quản lý tài chính của Công ty, quản lý các chi phí đầu tư để phòng ngừa những rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Giám sát việc thực hiện chấp hành và tuân thủ các quy định pháp luật, chế độ báo cáo, công bố thông tin kịp thời, chính xác.

1.3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

STT	Tiểu ban	Nhiệm vụ chính
1	Tiểu ban chiến lược và đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - Định hướng xây dựng và đề xuất phê duyệt chiến lược tổng thể; - Giám sát thực hiện chiến lược thông qua các báo cáo định kỳ về các vấn đề chiến lược, đầu tư; - Thảo luận và đề xuất phê duyệt kế hoạch kinh doanh cho công ty và các công ty con; - Đề xuất phê duyệt các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền (theo cơ chế phân quyền); - Định hướng xây dựng và đặt mục tiêu cho doanh nghiệp; - Đề xuất phê duyệt kế hoạch tài chính và phân bổ vốn; - Giám sát hiệu quả hoạt động so với mục tiêu/kế hoạch.
2	Tiểu ban nhân sự và văn hóa doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng chiến lược phát triển nhân sự (tuyển dụng, duy trì nhân tài, chế độ lương thưởng/đãi ngộ) - Giám sát đánh giá kết quả công việc của các cá nhân chủ chốt và cân đối giữa hiệu quả công việc với chế độ đãi ngộ; Giám sát việc xây dựng và vận hành hệ thống lương thưởng; - Hỗ trợ HĐQT trong việc đề xuất và lựa chọn các ứng viên cho các vị trí điều hành và các vị trí HĐQT khi có yêu cầu; - Giám sát và lập kế hoạch cho việc phát triển nhân sự kế thừa; - Định hướng xây dựng văn hóa doanh nghiệp; - Đảm bảo công ty tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức và đóng góp vào việc xây dựng một bầu không khí tin cậy lẫn nhau trong công ty; - Phát hiện và ngăn chặn những vi phạm của công ty đối với các quy định của pháp luật và các tiêu chuẩn đạo đức.
3	Tiểu ban kiểm toán và Quản trị rủi ro	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của ĐHĐCĐ, các quyết định/quy chế của HĐQT; - Kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ các chính sách, quy chế và quy trình nội bộ trong hoạt động kinh doanh; - Thực hiện chức năng quản trị rủi ro các hoạt động của Công ty thông qua việc yêu cầu và phối hợp với các bộ phận liên quan trong Công ty thu thập, phân tích và đề ra các giải pháp xử lý cần thiết đối với các sự kiện chứa đựng nguy cơ rủi ro có thể phát sinh trong hoạt động kinh doanh của Công ty.
4	Tiểu ban tài chính và kế toán	<ul style="list-style-type: none"> - Thẩm định, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu và kế hoạch Tài chính - Kế toán của Công ty; - Chủ trì xây dựng, sửa đổi hệ thống quản trị tài chính và hệ thống kế toán tại Công ty; - Tư vấn xây dựng hệ thống quản trị tài chính và kế toán tại công ty con; - Duy trì và phát triển quan hệ với các đối tác tài chính lớn, các cơ quan quản lý nhà nước liên quan; - Tham gia lập chiến lược và giám sát thực hiện chiến lược Công ty; - Xây dựng, sửa đổi và giám sát thực hiện các quy chế quản lý nội bộ của Công ty mảng tài chính và kế toán; - Giám sát quản lý quan hệ cổ đông.

1.4. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
I. Nghị quyết Hội đồng quản trị			
1	01/2020/NQ-HĐQT	09/01/2020	Phê duyệt Kết quả hoàn thành BSC năm 2019
2	02/2020/NQ-HĐQT	20/01/2020	Thẩm định công nợ và thông qua Phương án xử lý kết quả kiểm kê năm 2019
3	03/2020/NQ-HĐQT	23/03/2020	Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ 2020
4	03A/2020/NQ-HĐQT	26/03/2020	Chuyển tiền góp vốn cho Công ty Dịch vụ Tasco
5	04/2020/NQ-HĐQT	13/04/2020	Hợp tác đấu thầu dự án Khu dân cư và Thương mại dịch vụ xã Quảng Phú, TP Thanh Hóa
6	04B/2020/NQ-HĐQT	24/04/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh Kế hoạch SXKD năm 2020 theo kịch bản bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19; - Thực hiện đánh giá KPI quý I và giao KPI quý II cho các thành viên HĐQT; - Miễn nhiệm, bổ nhiệm TTB Kiểm toán và QTRR; - Phân công các thành viên HĐQT phụ trách các tiểu ban.
7	05/2020/NQ-HĐQT	30/03/2020	Tạm hoãn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ 2020
8	06/2020/NQ-HĐQT	18/05/2020	Điều chỉnh kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ 2020
9	07/2020/NQ-HĐQT	17/06/2020	Thay đổi vốn điều lệ và trụ sở chính Tasco Hải Phòng
10	09/2020/NQ-HĐQT	16/07/2020	Phê duyệt chính sách bán hàng Sản dịch vụ tại tầng 1, 2 các tòa A, B, C, D Chung cư Báo Nhân dân
11	10/2020/NQ-HĐQT	21/07/2020	Miễn nhiệm, bổ nhiệm KTT Tasco Hải Phòng
12	11/2020/NQ-HĐQT	29/07/2020	Giải thể Tasedu
13	12/2020/NQ-HĐQT	10/08/2020	Phân công trách nhiệm, nhiệm vụ các thành viên HĐQT
14	13/2020/NQ-HĐQT	25/08/2020	Điện mái nhà Farm Hòa Bình
15	14/2020/NQ-HĐQT	08/10/2020	Thay đổi trụ sở chính của Công ty TNHH MTV Tasco 6 và Công ty TNHH MTV Tasco Nam Định
16	15/2020/NQ-HĐQT	30/12/2020	Ứng hộ cải tạo khu vực sân vườn cảnh quan giữa tòa A, B, C chung cư Báo Nhân dân
II. Quyết định của HĐQT			
1	01/2020/QĐ-HĐQT	17/02/2020	Phê duyệt bản giao BSC 2020 của TASCOS
2	02/2020/QĐ-HĐQT	03/02/2020	Ban hành Bộ định mức chi phí TASCOS
3	03/2020/QĐ-HĐQT	25/02/2020	Giải thể chi nhánh Tasco tại Nam Định
4	04/2020/QĐ-HĐQT	15/05/2020	Ban hành Quy chế Quản lý rủi ro Công ty
5	08/2020/QĐ-HĐQT	18/06/2020	Điều chỉnh dự án đầu tư công nghệ cao dự án Farm Hòa Bình

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
6	09/2020/QĐ-HĐQT	29/07/2020	Giải thể Tasedu
7	10/2020/QĐ-HĐQT	10/08/2020	Miễn nhiệm Chánh Văn phòng HĐQT
8	11/2020/QĐ-HĐQT	10/08/2020	Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Chánh VP HĐQT
9	12/2020/QĐ-HĐQT	10/08/2020	Giao kiêm nhiệm nhiệm vụ tại VETC cho ông Phạm Đức Minh
10	13/2020/QĐ-HĐQT	10/08/2020	Miễn nhiệm TTB Kiểm toán và QTRR đối với bà Phạm Thị Nhân
11	14/2020/QĐ-HĐQT	10/08/2020	Bổ nhiệm TTB Kiểm toán và QTRR đối với bà Bùi Kim Ngân
12	15/2020/QĐ-HĐQT	31/12/2020	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022
13	16/2020/QĐ-HĐQT	31/12/2020	Ban hành Bộ định mức chi phí TASCOS

1.5. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2021:

Trong năm 2021, HĐQT Công ty tập trung vào các mục tiêu sau:

- Tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành giai đoạn đầu tư Dự án Thu phí tự động không dừng của VETC và ký kết các Phụ lục hợp đồng dịch vụ các BOT theo phương án tài chính điều chỉnh đã ký với Bộ GTVT;
- Quyết toán và ký Phụ lục hợp đồng dự án BT Lê Đức Thọ và hoàn thành việc giao đất cho dự án 48 Trần Duy Hưng và một phần dự án Foresa Mỹ Đình của Công ty;
- Tổ chức thu phí dự án BOT Đông Hưng và các trạm BOT khác của Công ty một cách an toàn và ổn định, đồng thời phối hợp với CQNNCTQ để giải quyết khó khăn của từng dự án;
- Tiếp tục tìm kiếm cơ hội đầu tư trong lĩnh vực hạ tầng giao thông, bất động sản và năng lượng tái tạo;
- Tiếp tục tìm kiếm đối tác để thoái vốn khỏi các lĩnh vực đầu tư không phải thế mạnh của Công ty. Quyết liệt trong công tác thu hồi công nợ tại các dự án BT, công trình xây lắp và các dự án Bất động sản...

2. Ban Kiểm soát:

2.1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)

Ban kiểm soát của Công ty CP Tasco gồm 3 thành viên:

- Bà Bùi Kim Ngân - Trưởng Ban kiểm soát
- Bà Lê Thị Ngọc - Thành viên Ban kiểm soát
- Ông Nguyễn Dương Thụ - Thành viên Ban kiểm soát

2.2. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông

Trong năm 2020, BKS đã hoàn thành việc giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám đốc ở nhiều hoạt động, bao gồm:

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020: BKS đã theo dõi chặt chẽ tiến độ triển khai và ghi nhận Ban lãnh đạo Công ty đã và đang thực hiện đúng kế hoạch đề ra trong Nghị quyết.

- Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo soát xét 6 tháng đầu năm và báo cáo năm 2020: thông qua hoạt động của Phòng Kiểm toán, trao đổi trực tiếp với kiểm toán độc lập trong đợt soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020, báo cáo tài chính năm 2020 để kịp thời cập nhật, đánh giá kết quả kiểm toán trước khi Công ty phát hành báo cáo ra công chúng.

- Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh: thông qua hoạt động của Phòng Kiểm toán, BKS đã chỉ đạo, theo dõi chặt chẽ tính tuân thủ và hiệu quả của Ban lãnh đạo trong thực hiện các quy chế, quy trình sản xuất kinh doanh. Với kết quả kiểm toán nội bộ trong năm 2020, BKS đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty đã được xây dựng và không ngừng được bổ sung, điều chỉnh đảm bảo tăng cường các chốt kiểm soát và phù hợp đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh. Ban Lãnh đạo Công ty tuân thủ các quy định pháp luật, các quy chế, quy trình, quy định nội bộ của Công ty trong quá trình quản lý và điều hành.

2.3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

BKS đã chủ động phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong công tác kiểm tra, giám sát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; thường xuyên trao đổi thông tin và tài liệu liên quan.

BKS đóng góp ý kiến với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.

HĐQT và Ban Tổng Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2.4. Hoạt động khác của Ban Kiểm soát

Thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Trưởng BKS đã phê duyệt chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.

3. Thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2020

Năm 2020, Công ty đã thực hiện chi thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên.

Chi tiết thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2020 tại trang 43 của Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2020 đính kèm.

4. Đào tạo về quản trị công ty

Trong năm 2020, các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý đã tham dự các buổi hội thảo và đào tạo trong và ngoài nước.

IV. THÔNG TIN CỔ PHIẾU, QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

1. Cổ phần:

- Tên: Cổ phiếu Công ty cổ phần Tasco
- Mã chứng khoán: HUT
- Mệnh giá: 10.000đ/cổ phần
- Tổng số cổ phần đang lưu hành tại ngày 31/12/2020: 268.631.965 cổ phần

Trong đó:

STT	Loại cổ phần	Số lượng cổ phần lưu hành
1	Cổ phần chuyển nhượng tự do	268.631.965
2	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	0

2. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

2.1. Cơ cấu cổ đông:

- Phân loại cổ đông theo tỷ lệ sở hữu:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên (cổ đông lớn)	26.015.802	9,68
2	Cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ dưới 5% trở xuống (cổ đông nhỏ)	242.616.163	90,32

- Phân loại cổ đông theo tiêu chí tổ chức và cá nhân:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Cổ đông là các tổ chức	12.410.724	4,62
2	Cổ đông là cá nhân	256.221.241	95,38

- Phân loại cổ đông trong nước và ngoài nước:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Cổ đông trong nước	258.928.396	96,39
2	Cổ đông ngoài nước	9.703.569	3,61

- Phân loại cổ đông Nhà nước và các cổ đông khác:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Cổ đông Nhà nước	0	0
2	Cổ đông khác	268.631.965	100

2.2. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

2.3. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

2.4. Các chứng khoán khác: Không có

3. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ:

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1	Phạm Quang Dũng	Chủ tịch HĐQT	26.015.802	9,68%	
2	Trần Thị Cúc		107.496	0,04%	
3	Phạm Thị Nhài		74.549	0,03%	
4	Phạm Thế Hùng		31.248	0,01%	
5	Nguyễn Việt Tân	Thành viên HĐQT	1.072.141	0,40%	
6	Lưu Đàm Ngọc Anh		194.140	0,07%	
7	Phạm Thị Chi	Thành viên HĐQT	2.105.118	0,78%	
8	Lê Quân Cần		6.521.903	2,43%	
9	Trần Thị Thanh Tân	Thành viên HĐQT	3.709.291	1,38%	Miễn nhiệm chức danh TV HĐQT
10	Vũ Duy Hưng		1.425.760	0,53%	
11	Vũ Duy Lộc		788.119	0,29%	
12	Trần Hải Yên	Thành viên HĐQT	2.225.600	0,83%	
13	Phạm Thị Nhàn		4.382.445	1,63%	
14	Đỗ Thanh Hương	Thành viên HĐQT độc lập	0	0,00%	
15	Khuất Trung Thắng	Phó Tổng giám đốc	0	0,00%	
16	Nguyễn Đình Siêu	Phó Tổng giám đốc	239.440	0,09%	
17	Trần Thị Thanh	Kế toán trưởng	191.158	0,07%	
18	Lê Anh Vũ		3.984	0,00%	
19	Bùi Kim Ngân	Trưởng BKS	0	0,00%	
20	Lê Thị Ngọc	Thành viên BKS	92.486	0,03%	
21	Nguyễn Dương Thụ	Thành viên BKS	25	0,00%	

4. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu với cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Phạm Quang Dũng	Chủ tịch HĐQT	26.015.802	9,68%	26.015.802	9,68%	
2	Trần Thị Cúc	NCLQ của ông Phạm Quang Dũng	107.496	0,04%	107.496	0,04%	
3	Phạm Thị Nhài	NCLQ của ông Phạm Quang Dũng	74.549	0,03%	74.549	0,03%	
4	Phạm Thế Hùng	NCLQ của ông Phạm Quang Dũng	31.248	0,01%	31.248	0,01%	
5	Nguyễn Viết Tân	Thành viên HĐQT	1.072.141	0,40%	1.072.141	0,40%	
6	Lưu Đàm Ngọc Anh	NCLQ của ông Nguyễn Viết Tân	194.140	0,07%	194.140	0,07%	
7	Phạm Thị Chi	Thành viên HĐQT	2.105.118	0,78%	2.105.118	0,78%	
8	Lê Quán Cần	NCLQ của bà Phạm Thị Chi	6.521.903	2,43%	6.521.903	2,43%	
9	Trần Thị Thanh Tân	Thành viên HĐQT	3.709.291	1,38%	3.709.291	1,38%	
10	Vũ Duy Hưng	NCLQ của bà Trần Thị Thanh Tân	1.505.760	0,56%	1.425.760	0,53%	Thay đổi tại thời điểm bà Trần Thị Thanh Tân không còn là TV HĐQT

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
11	Vũ Duy Lộc	NCLQ của bà Trần Thị Thanh Tân	788.119	0,29%	788.119	0,29%	
12	Trần Hải Yến	Thành viên HĐQT	2.225.600	0,83%	2.225.600	0,83%	
13	Phạm Thị Nhân	NCLQ của bà Trần Hải Yến	4.382.445	1,63%	4.382.445	1,63%	
14	Đỗ Thanh Hương	Thành viên HĐQT độc lập	0	0,00%	0	0,00%	
15	Khuất Trung Thắng	Phó Tổng giám đốc	0	0,00%	0	0,00%	
16	Nguyễn Đình Siêu	Phó Tổng giám đốc	239.440	0,09%	239.440	0,09%	
17	Trần Thị Thanh	Kế toán trưởng	191.158	0,07%	191.158	0,07%	
18	Lê Anh Vũ	NCLQ của bà Trần Thị Thanh	3.984	0,00%	3.984	0,00%	
19	Bùi Kim Ngân	Trưởng BKS	0	0,00%	0	0,00%	
20	Lê Thị Ngọc	Thành viên BKS	92.486	0,03%	92.486	0,03%	
21	Nguyễn Dương Thụ	Thành viên BKS	25	0,00%	25	0,00%	
Tổng cộng			49.260.705	18,34%	49.180.705	18,31%	

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Địa chỉ công bố, cung cấp Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất:

<http://taric.com.vn/>

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu: MKT, TC.



CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Hà Nội - Tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tasco trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tasco (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là đội cầu Nam Hà, được thành lập năm 1971. Công ty chính thức được thành lập ngày 27/3/1976 với tên gọi Công ty Cầu Hà Nam Ninh, trên cơ sở sát nhập đội cầu Nam Hà và Xí nghiệp Xây dựng Cầu đường Ninh Bình. Tháng 11 năm 2000, Công ty đã tiến hành cổ phần hoá, từ doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, theo Quyết định số 2616/2000/QĐ-UB ngày 20/11/2000 của UBND tỉnh Nam Định và mang tên Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông và Cơ sở Hạ tầng Nam Định.

Ngày 26/12/2007, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Tasco. Năm 2008, Công ty chính thức chuyển đăng ký kinh doanh và trụ sở chính từ thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đến thành phố Hà Nội.

Công ty Cổ phần Tasco hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600264117 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/12/2007, thay đổi lần 24 ngày 08/10/2020. Vốn điều lệ của Công ty là 2.686.319.650.000 đồng (Hai nghìn, sáu trăm tám mươi sáu tỷ, ba trăm mười chín triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Tasco Joint Stock Company.

Tên Công ty viết tắt là: HUD - TASCO

Công ty đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: HUT

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 04, Tòa nhà M5, số 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Quang Dũng	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Viết Tân	Phó Chủ tịch
	Bà Phạm Thị Chi	Thành viên
	Bà Trần Thị Thanh Tân	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 29/06/2020)
	Bà Trần Hải Yến	Thành viên
	Bà Đỗ Thanh Hương	Thành viên HĐQT độc lập

Ban Kiểm soát

Bà Bùi Kim Ngân	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Dương Thụ	Thành viên
Lê Thị Ngọc	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Viết Tân	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Đình Siêu	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Khuất Trung Thắng	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc, 



Nguyễn Việt Tân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021

Số: 131/2021/BCKT- CPA VIETNAM - NV1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty Cổ phần Tasco,

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tasco**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tasco, được lập ngày 30 tháng 3 năm 2021, từ trang 06 đến trang 51, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



A blue handwritten signature.

Vũ Ngọc Ân**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 01/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT***Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021*

Nguyễn Khánh Minh**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 4484-2018-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.462.839.215.580	2.311.130.883.461
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	219.322.711.611	146.076.986.910
1. Tiền	111		198.909.108.118	115.602.160.741
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.413.603.493	30.474.826.169
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	46.920.000.000	61.403.931.812
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		46.920.000.000	61.403.931.812
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		975.469.626.587	1.851.735.542.157
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	731.919.464.938	1.596.666.648.884
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	48.878.129.457	108.173.410.146
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		32.625.979.000	33.810.385.712
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	171.460.470.742	145.009.796.925
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(9.414.417.550)	(31.924.699.510)
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	124.428.336.566	38.274.159.075
1. Hàng tồn kho	141		124.428.336.566	38.274.159.075
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		96.698.540.816	213.640.263.507
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	1.211.092.152	98.840.332.500
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		91.331.226.990	94.991.086.190
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	4.156.221.674	19.808.844.817
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.695.631.385.992	8.706.869.287.306
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		122.984.283.349	142.934.080.353
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.3	-	83.683.500.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	126.134.283.349	62.400.580.353
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	5.6	(3.150.000.000)	(3.150.000.000)
II. Tài sản cố định	220		6.238.520.709.686	5.762.835.154.589
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	6.104.093.281.543	5.631.548.393.651
- Nguyên giá	222		7.477.102.910.079	6.771.544.992.523
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.373.009.628.536)	(1.139.996.598.872)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	134.427.428.143	131.286.760.938
- Nguyên giá	228		157.561.710.462	144.439.115.868
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(23.134.282.319)	(13.152.354.930)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.10	1.136.982.809.271	1.800.047.920.309
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		614.726.749.147	624.841.194.734
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		522.256.060.124	1.175.206.725.575
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	350.744.115.288	500.164.965.951
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		322.944.115.288	472.364.965.951
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		22.800.000.000	24.130.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(1.330.000.000)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		5.000.000.000	5.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		845.623.010.116	499.984.795.674
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	845.623.010.116	499.984.795.674
VII. Lợi thế thương mại	269		776.458.282	902.370.430
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		10.158.470.601.572	11.018.000.170.767

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
C NỢ PHẢI TRẢ	300		7.197.644.656.393	7.803.074.617.799
I. Nợ ngắn hạn	310		1.194.862.964.771	1.659.284.106.302
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	490.683.782.764	518.890.173.739
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		81.427.702.297	53.564.639.944
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	23.794.441.300	71.810.995.088
4. Phải trả người lao động	314		21.016.216.850	18.107.406.796
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	95.037.607.286	112.764.730.938
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	362.737.071.284	796.774.417.909
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	97.778.930.894	65.509.529.792
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		22.387.212.096	21.862.212.096
II. Nợ dài hạn	330		6.002.781.691.622	6.143.790.511.497
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.16	1.191.236.986	826.962.150
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	551.589.958.880	569.734.015.815
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.12	5.411.539.750.297	5.534.768.788.073
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.18	38.460.745.459	38.460.745.459
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.960.825.945.179	3.214.925.552.968
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.19	2.960.825.945.179	3.214.925.552.968
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.686.319.650.000	2.686.319.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.686.319.650.000	2.686.319.650.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		84.824.223.592	84.921.165.989
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		122.247.635.329	119.568.635.329
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		80.626.534.571	328.927.063.655
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		315.688.161.155	275.339.386.083
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(235.061.626.585)	53.587.677.572
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(13.192.098.313)	(4.810.962.005)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		10.158.470.601.572	11.018.000.170.767

Người lập



Phạm Thị Thúy

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



Nguyễn Việt Tân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.21	761.665.090.488	1.108.269.404.228
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.22	11.140.015.001	1.047.161.151
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		750.525.075.487	1.107.222.243.077
4. Giá vốn hàng bán	11	5.23	665.347.885.882	764.741.055.727
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		85.177.189.605	342.481.187.350
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.24	60.297.693.779	104.740.431.744
7. Chi phí tài chính	22	5.25	237.596.645.345	257.193.036.441
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		197.290.779.043	255.849.396.630
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(10.964.515.995)	12.859.357.835
9. Chi phí bán hàng	25	5.26	28.257.825.444	15.021.305.630
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.26	121.014.253.343	112.326.415.006
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(252.358.356.743)	75.540.219.852
{30 = 20 + (21 - 22) +24 - (25 + 26)}				
12. Thu nhập khác	31	5.27	13.033.880.048	4.995.398.468
13. Chi phí khác	32	5.28	7.699.020.138	7.651.605.240
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		5.334.859.910	(2.656.206.772)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(247.023.496.833)	72.884.013.080
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.29	(3.580.733.940)	28.221.795.011
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		(243.442.762.893)	44.662.218.069
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		(235.061.626.585)	53.587.677.572
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(8.381.136.308)	(8.925.459.503)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.30	(875,03)	212,43

Người lập



Phạm Thị Thúy

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021
Tổng Giám đốc




Nguyễn Việt Tân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		(247.023.496.833)	72.884.013.080
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			368.371.102.364	370.491.618.875
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		251.374.115.373	221.953.611.971
Các khoản dự phòng	03		(22.510.281.960)	10.288.399.853
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(57.783.510.092)	(117.599.789.579)
Chi phí lãi vay	06		197.290.779.043	255.849.396.630
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		121.347.605.531	443.375.631.955
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		887.930.312.402	386.551.985.140
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(86.154.177.491)	40.387.105.574
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(300.643.825.102)	(168.696.147.564)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(38.555.995.401)	(210.955.277.119)
Tiền lãi vay đã trả	14		(388.132.918.671)	(392.121.789.003)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(53.639.451.500)	(24.777.985.947)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.994.305.334	1.370.442.943
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.335.819.275)	(4.228.370.523)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		142.810.035.827	70.905.595.456
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(51.672.234.004)	(195.063.803.329)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		13.165.618.182	3.058.105.291
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(46.581.300.000)	(29.347.100.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6.767.331.485	26.300.114.502
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(246.000.000)	(662.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		94.971.907.713	79.664.756
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.654.913.863	7.807.093.880
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		21.060.237.239	(187.827.924.900)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		81.187.851.094	183.743.456.729
Tiền trả nợ gốc vay	34		(171.807.492.044)	(62.867.979.917)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.907.415)	(402.824.795)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(90.624.548.365)	120.472.652.017
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		73.245.724.701	3.550.322.573
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		146.076.986.910	142.526.664.337
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	219.322.711.611	146.076.986.910

Người lập



Phạm Thị Thúy

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021



Tổng Giám đốc

Nguyễn Việt Tân

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tasco tiền thân là đội cầu Nam Hà, được thành lập năm 1971. Công ty chính thức được thành lập ngày 27/3/1976 với tên gọi Công ty Cầu Hà Nam Ninh, trên cơ sở sát nhập đội cầu Nam Hà và Xí nghiệp Xây dựng Cầu đường Ninh Bình. Tháng 11 năm 2000, Công ty đã tiến hành cổ phần hoá, từ doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, theo Quyết định số 2616/2000/QĐ-UB ngày 20/11/2000 của UBND tỉnh Nam Định và mang tên Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông và Cơ sở Hạ tầng Nam Định.

Ngày 26/12/2007, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Tasco. Năm 2008, Công ty chính thức chuyển đăng ký kinh doanh và trụ sở chính từ Nam Định lên Hà Nội.

Công ty Cổ phần Tasco hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600264117 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/12/2007, thay đổi lần 24 ngày 08/10/2019. Vốn điều lệ của Công ty là 2.686.319.650.000 đồng (Hai nghìn, sáu trăm tám mươi sáu tỷ, ba trăm mười chín triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Tasco Joint Stock Company.

Tên Công ty viết tắt là: HUD - TASCO

Cổ phiếu của Công ty đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Với mã giao dịch là: HUT.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Kinh doanh phát triển nhà ở; Cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình điện (nhiệt điện, thủy điện), công trình thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật; Xây dựng đường hầm;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Xây lắp điện, nước;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Kiểm tra phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Dịch vụ thử nghiệm vật liệu xây dựng, thử nghiệm kiểm tra chất lượng các loại hình công trình xây dựng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Dịch vụ du lịch, ăn uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Trồng cây hàng năm khác. Chi tiết: Mua bán, ươm trồng cây xanh đô thị;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Tu bổ, tôn tạo, phục hồi, phục dựng di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Đại lý bán điện; Sản xuất điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Kinh doanh bãi đỗ xe và gara;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu máy móc thiết bị;
- Thu gom và xử lý rác thải, sản xuất các chế phẩm sau rác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn và kinh doanh các dịch vụ về công nghệ môi trường (không bao gồm tư vấn tài chính và tư vấn pháp luật);

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi (doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật); Tư vấn lập dự án, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác; Tư vấn quản lý dự án công trình, lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng; Tư vấn thẩm tra thiết kế, dự toán công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, thủy lợi, và hạ tầng kỹ thuật đô thị; Thiết kế kỹ thuật thi công công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, cầu đường bộ; Tư vấn lập quy hoạch xây dựng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- Hoạt động tư vấn quản lý.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, đầu tư vào các công ty con hoạt động trong lĩnh vực BOT, dịch vụ y tế, quản lý.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có các công ty con, công ty liên kết như sau:

TT	Tên công ty	Trụ sở	Tỷ lệ sở hữu vốn của công ty mẹ (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Lĩnh vực kinh doanh chính
Công ty con sở hữu trực tiếp					
1	Công ty Cổ phần Tasco Thành Công	Hà Nội	51,00	51,00	Khai thác VLXD
2	Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	Thái Bình	99,97	99,97	Xây lắp
3	Công ty Cổ phần VETC	Hà Nội	97,82	97,82	Dịch vụ
4	Công ty CP Bệnh viện Mắt Hà Nội cơ sở 2	Hà Nội	67,00	67,00	Y tế
5	Công ty TNHH MTV Tasco Nam Định	Nam Định	100	100	Xây lắp
6	Công ty TNHH MTV Tasco 6	Nam Định	100	100	Hạ tầng giao thông
7	Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	Quảng Bình	100	100	Hạ tầng giao thông
8	Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng	Hải Phòng	100	100	Hạ tầng giao thông
9	Công ty TNHH T'Hospital	Hà Nội	100	100	Đầu tư lĩnh vực y tế
10	Công ty TNHH An Nhiên Foods	Hòa Bình	100	100	Nông nghiệp
11	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tasco	Hà Nội	100	100	Dịch vụ
Công ty con sở hữu gián tiếp					
12	Công ty TNHH Thu phí tự động VETC	Hà Nội	98,08	98,08	Dịch vụ thu phí
Công ty liên doanh, liên kết					
1	Công ty Cổ phần BĐS Thái An	Hà Nội	30,00	30,00	Kinh doanh BĐS
2	Công ty Cổ phần Tasco Thăng Long	Hà Nội	30,00	30,00	Kinh doanh BĐS
3	Công ty Cổ phần D-Tech	Hà Nội	20,00	20,00	Khai thác VLXD
4	Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	Hà Nội	38,61	38,61	Xây lắp
5	Công ty TNHH BOT Hùng Thắng - Phú Thọ	Phú Thọ	30,00	30,00	Hạ tầng giao thông

1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Từ đầu năm 2020, đại dịch COVID-19 có ảnh hưởng gần như toàn bộ tới nền kinh tế Việt Nam. Trong bối cảnh hoạt động sản xuất, kinh doanh chịu nhiều tác động do dịch COVID-19, Chính phủ đã và đang có nhiều chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Tuy nhiên, do chưa thuộc đối tượng được hỗ trợ theo chính sách của Chính phủ nên Công ty chưa nhận được các khoản hỗ trợ liên quan.

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Năm tài chính**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất:

Báo cáo tài chính hợp nhất, hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi nhuận từ hoạt động của các Công ty này. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày việc mua có hiệu lực hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh

doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết: Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.
- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)*****Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư***

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: Việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư làm căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính hợp nhất, nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là công ty Mẹ. Nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con, căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính của doanh nghiệp được đầu tư đó.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với Chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Các công trình xây dựng được tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 10/3/2016 của Bộ Tài chính.

a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, khoản lãi, lỗ phát sinh do việc thanh lý được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)**Tài sản cố định vô hình**

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

- Phần mềm kế toán và phần mềm quản lý: Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 08
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10

TSCĐ khác là tài sản hình thành từ dự án đầu tư theo hình thức BOT được phản ánh ban đầu theo giá trị đầu tư và trích khấu hao theo tỷ trọng doanh thu theo thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 10/03/2016 của Bộ Tài chính.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

TSCĐ vô hình Phần mềm kế toán và phần mềm quản lý được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao là 7 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty gồm công cụ dụng cụ, chi phí hoàn thiện nội thất văn phòng và chi phí khác. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí sản xuất kinh doanh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Trong đó, chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Chi phí lãi vay của Công ty đối với các khoản vay cho các Dự án BOT được phân bổ theo doanh thu từ Dự án.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả dài hạn của Công ty là Chi phí đại tu BOT Quốc lộ 21 được trích trước chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định theo định kỳ được căn cứ vào kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, Phí quản lý vận hành Dự án Xuân Phương nhận trước); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Doanh thu bán bất động sản phải đảm bảo thoả mãn đồng thời 5 điều kiện sau:

- a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán là hàng hóa BĐS: điều chỉnh giảm giá bán căn hộ theo quyết toán dự án báo nhân dân và VPTW Đảng.
- Các khoản giảm trừ doanh thu của hợp đồng xây dựng: giảm trừ theo biên bản quyết toán khối lượng xây dựng hoàn thành.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính: Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất: cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay và công cụ tài chính chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là xây lắp và hoạt động khác, đầu tư, kinh doanh bất động sản và dịch vụ thu phí đường bộ; Công ty hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Báo cáo bộ phận được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	1.916.395.973	1.920.955.089
Tiền gửi ngân hàng	196.992.712.145	113.681.205.652
Các khoản tương đương tiền (i)	20.413.603.493	30.474.826.169
Tổng	219.322.711.611	146.076.986.910

(i) Là các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ một đến ba tháng lãi suất từ 3,5% đến 4%.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	51.920.000.000	51.920.000.000	66.403.931.812	66.403.931.812
Ngắn hạn	46.920.000.000	46.920.000.000	61.403.931.812	61.403.931.812
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	46.920.000.000	46.920.000.000	61.403.931.812	61.403.931.812
Dài hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Trái phiếu (ii)	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 5 đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,5% đến 4,9%/năm.

(ii) Trái Phiếu Vietcombank lãi suất thả nổi; kỳ hạn 10 năm.

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	322.944.115.288	472.364.965.951
Tổng công ty Thăng Long - CTCP	246.299.452.337	246.150.001.404
Công ty TNHH BOT Hùng Thắng-Phú Thọ	76.644.662.951	75.107.834.766
Công ty CP Bất động sản Thái An	-	17.256.748.882
Công ty CP Tasco Thăng Long	-	1.776.452.142
Công ty CP D - Tech	-	1.459.997.102
Công ty CP Tasco Năng Lượng (i)	-	130.613.931.655

(i) Trong năm Công ty đã thực hiện chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty CP Tasco Năng lượng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác	22.800.000.000	(*)	-	24.130.000.000	(*)	1.330.000.000
Công ty CP ĐT PT Nhà và Đô thị HUD8	4.500.000.000		-	4.500.000.000		-
Công ty CP Cotabig	300.000.000		-	300.000.000		-
Công ty CP TIC	-		-	1.330.000.000		1.330.000.000
Công ty TNHH Môi trường Tasco Củ Chi	18.000.000.000		-	18.000.000.000		-

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý do các khoản đầu tư này chưa niêm yết trên thị trường, Chế độ kế toán và Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.3 Phải thu của khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>	<i>731.919.464.938</i>	<i>1.596.666.648.884</i>
Ban QLDA ĐTXD các công trình NN& PTNT tỉnh Thái Bình	8.210.494.000	10.503.694.000
Ban Quản lý dự án 6	551.327.249	3.306.098.049
Ủy ban nhân dân Quận Nam Từ Liêm (i)	244.883.010.283	1.028.883.010.283
Ban Quản lý các Dự án giao thông Nam Định	9.722.512.000	10.722.512.000
Risen Sea Series I Co., Limited	84.000.000.000	-
Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Yên Bái	25.196.247.000	25.145.813.206
Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Hà Nam	6.657.866.945	8.077.866.945
Sở GTVT tỉnh Thái Bình	90.628.570.000	159.099.814.000
Khách hàng dự án khu nhà ở sinh thái Xuân Phương (ii)	170.246.927.368	170.858.425.995
Phải thu đối tượng khác	91.822.510.093	180.069.414.406
<i>Phải thu dài hạn của khách hàng</i>	<i>-</i>	<i>83.683.500.000</i>
Sở GTVT tỉnh Thái Bình	-	83.683.500.000
<i>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>1.678.450.000</i>	<i>1.649.650.000</i>

(Chi tiết tại thuyết minh 6.3)

(i) Khoản phải thu Ủy ban nhân dân Quận Nam Từ Liêm là giá trị phải thu theo Hợp đồng BT số 68/HĐBT để thực hiện Dự án xây dựng tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến Khu Đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70) huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (BT Lê Đức Thọ).

Giá trị đầu tư tuyến đường được thanh toán một phần bằng giá trị tiền sử dụng đất của Khu nhà ở sinh thái Xuân Phương. Ngày 6/10/2020, UBND thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 4522/QĐ-UBND Về việc phê duyệt kết quả rà soát nghĩa vụ tài chính Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở sinh thái Xuân Phương – giai đoạn 1 tại phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm do Công ty cổ phần Tasco làm chủ đầu tư. Trên cơ sở Quyết định này Công ty đã được ghi thu – ghi chi tiền sử dụng đất khu nhà ở sinh thái Xuân Phương và giá trị dự án BT Lê Đức Thọ. Phần giá trị đầu tư chưa được ghi chi sẽ được thanh toán bằng giá trị đất đối ứng của các Dự án mới.

(ii) Khách hàng dự án khu nhà ở sinh thái Xuân Phương phải thu 5% theo hợp đồng tiền chờ làm sổ đỏ.

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	<i>48.878.129.457</i>	<i>108.173.410.146</i>
Công ty CP TIC	-	30.853.699.510
Công ty CP Tasco Trường Sơn	2.198.020.129	5.187.542.840
Công ty CP Tasco 10	-	3.357.909.720
Công ty CP Bon (vận hành)	14.747.180.209	12.103.606.896
Công ty CP xây dựng Hải Long	-	3.219.588.125
Công ty CP đầu tư và xây dựng Tiến Phát	4.452.921.456	9.565.781.674
Đối tượng khác	27.480.007.663	43.885.281.381
<i>Trả trước cho người bán là các bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

(Chi tiết tại thuyết minh 6.3)

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.5 Các khoản phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	171.460.470.742	5.400.421.625	145.009.796.925	-
Tạm ứng	24.861.852.944	3.286.973.157	36.612.238.114	-
Ký cược, ký quỹ	41.054.170.000	-	119.470.000	-
Phải thu khác	105.544.447.798	2.113.448.468	108.278.088.811	-
<i>UBND quận Nam Từ Liêm</i>	<i>48.324.177.720</i>	-	<i>48.324.177.720</i>	-
<i>Đối tượng khác</i>	<i>57.220.270.078</i>	<i>2.113.448.468</i>	<i>59.953.911.091</i>	-
Dài hạn	126.134.283.349	(3.150.000.000)	62.400.580.353	(3.150.000.000)
Ký cược, ký quỹ	67.580.628.639	(3.150.000.000)	3.846.925.643	(3.150.000.000)
Phải thu khác	58.553.654.710	-	58.553.654.710	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.6 Các khoản công nợ phải thu đã trích lập dự phòng

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
<i>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</i>	12.564.417.550	-		35.074.699.510	-	
Công ty CP TIC (*)	-	-	Trên 3 năm	30.853.699.510	-	Trên 3 năm
Công ty IT Fusion	3.150.000.000	-	Trên 3 năm	3.150.000.000	-	Trên 3 năm
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Thiên Hà (*)	-	-	Trên 3 năm	1.000.000.000	-	Trên 3 năm
Công ty CP Thẩm định giá và đầu tư VIC (*)	-	-	Trên 3 năm	50.000.000	-	Trên 3 năm
Nguyễn Đăng Hải	2.567.050.662	-	Trên 3 năm	-	-	
Công ty CP Bất động sản Thái An	1.326.902.195	-	Trên 3 năm	-	-	
Nguyễn Minh Tuyên	2.113.448.468	-	Trên 3 năm	-	-	
Đối tượng khác	3.407.016.225	-	Trên 3 năm	21.000.000	-	Trên 3 năm
Cộng	12.564.417.550	-		35.074.699.510	-	

(*) Trong năm Công ty đã xóa nợ các khoản phải thu do xác định không có khả năng thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.7 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu,	32.956.143.485	-	18.003.053.464	-
Công cụ, dụng cụ	8.961.218.245	-	8.457.870.867	-
Chi phí sản xuất	28.142.322.051	-	10.182.032.569	-
Thành phẩm	52.770.879.310	-	166.704.565	-
Hàng hóa	1.597.773.475	-	1.464.497.610	-
Tổng	124.428.336.566	-	38.274.159.075	-

5.8 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền	Phần mềm	Tổng cộng
	sử dụng đất	máy tính	
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	102.878.251	144.336.237.617	144.439.115.868
Mua trong năm	-	13.225.472.845	13.225.472.845
Thanh lý, nhượng bán	(102.878.251)	-	(102.878.251)
Số dư cuối năm	-	157.561.710.462	157.561.710.462
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	55.819.776	13.096.535.154	13.152.354.930
Khấu hao trong năm	3.131.594	10.037.747.165	10.040.878.759
Thanh lý, nhượng bán	(58.951.370)	-	(58.951.370)
Số dư cuối năm	-	23.134.282.319	23.134.282.319
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	47.058.475	131.239.702.463	131.286.760.938
Tại ngày cuối năm	-	134.427.428.143	134.427.428.143

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TIẾP THEO (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.9 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	35.940.819.136	130.222.091.139	33.753.586.650	10.561.090.340	6.561.067.405.258	6.771.544.992.523
Mua trong năm	83.688.000	-	4.620.385.455	-	673.635.508.217	678.339.581.672
Đầu tư XD CB hoàn thành	12.616.021.758	-	-	-	35.295.470.105	47.911.491.863
Thanh lý, nhượng bán	(4.411.673.476)	(91.000.000)	(4.442.521.817)	(345.738.828)	(190.835.273)	(9.481.769.394)
Giảm khác	-	-	-	-	(11.211.386.585)	(11.211.386.585)
Số dư cuối năm	44.228.855.418	130.131.091.139	33.931.450.288	10.215.351.512	7.258.596.161.722	7.477.102.910.079
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	18.741.576.160	28.918.287.645	14.868.853.613	6.996.114.167	1.070.471.767.287	1.139.996.598.872
Khấu hao trong năm	1.641.214.896	8.703.428.270	3.081.702.228	774.869.723	227.262.146.855	241.463.361.972
Thanh lý, nhượng bán	(3.507.429.241)	(91.000.000)	(3.718.704.793)	(345.738.828)	-	(7.662.872.862)
Giảm khác	-	-	-	-	(787.459.446)	(787.459.446)
Số dư cuối năm	16.875.361.815	37.530.715.915	14.231.851.048	7.425.245.062	1.296.946.454.696	1.373.009.628.536
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	17.199.242.976	101.303.803.494	18.884.733.037	3.564.976.173	5.490.595.637.971	5.631.548.393.651
Tại ngày cuối năm	27.353.493.603	92.600.375.224	19.699.599.240	2.790.106.450	5.961.649.707.026	6.104.093.281.543

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.10 Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</i>				
Dự án khu nhà ở sinh thái tại xã Xuân Phương - Foresa villa	342.610.876.580	342.610.876.580	292.506.321.310	292.506.321.310
Dự án Khu đô thị mới Vân Canh Hoài Đức	271.387.548.865	271.387.548.865	276.900.516.639	276.900.516.639
Dự án xây dựng nhà ở cho CB Báo Nhân dân và Văn phòng TW Đảng	728.323.702	728.323.702	55.434.356.785	55.434.356.785
Tổng	614.726.749.147	614.726.749.147	624.841.194.734	624.841.194.734

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	522.256.060.124	1.175.206.725.575
Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến đường 70	313.997.271.394	291.592.119.704
Dự án 48 Trần Duy Hưng quận Cầu Giấy, Hà Nội	8.049.718.984	6.455.075.830
Dự án tòa nhà văn phòng Tasco	25.722.090.280	25.005.910.435
Dự án nhà ở cho CB CNV Bộ ngoại giao	1.013.790.768	722.838.777
Dự án Khu chức năng đô thị Xuân Phương	54.410.953.846	47.995.074.991
Dự án xây dựng hệ thống thu phí không dừng và kiểm soát tải trọng xe	38.830.113.993	714.648.701.046
Các dự án Đầu tư bệnh viện	45.101.887.953	44.801.380.293
Dự án nông nghiệp công nghệ cao	-	17.670.814.944
Dự án BOT tuyến tránh Đông Hưng	10.717.296.752	16.645.956.847
Dự án nhà máy điện gió Yang Bắc	3.956.482.471	3.468.668.006
Dự án điện mặt trời mái nhà Farm Kỳ Sơn	12.851.092.388	-
Các dự án khác	7.605.361.295	6.200.184.702
Tổng	522.256.060.124	1.175.206.725.575

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.11 Chi phí trả trước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	<i>1.211.092.152</i>	<i>98.840.332.500</i>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	133.889.027	242.107.522
Chi phí lãi vay	-	97.609.884.811
Các khoản khác	1.077.203.125	988.340.167
<i>Dài hạn</i>	<i>845.623.010.116</i>	<i>499.984.795.674</i>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.893.329.173	2.903.239.517
Chi phí lãi vay	724.199.941.488	416.717.954.833
Chi phí hoàn thiện nội thất văn phòng	505.704.104	1.090.192.800
Chi phí dán thẻ ETAG- DA thu phí tự động không dừng	47.097.371.325	38.786.206.849
Chi phí trung tu dự án BOT Quảng Bình	34.179.240.353	-
Chi phí khác	36.747.423.673	40.487.201.675
Tổng	<u>846.834.102.268</u>	<u>598.825.128.174</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.12 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		Trong năm		01/01/2020	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	97.778.930.894	97.778.930.894	85.415.354.574	53.145.953.472	65.509.529.792	65.509.529.792
Ngân hàng ĐT và PT VN - CN Nam Hà Nội	-	-	-	305.423.000	305.423.000	305.423.000
Vay đối tượng khác	97.778.930.894	97.778.930.894	85.415.354.574	52.840.530.472	65.204.106.792	65.204.106.792
Vay dài hạn	5.411.539.750.297	5.411.539.750.297	13.068.234.000	136.297.271.776	5.534.768.788.073	5.534.768.788.073
Ngân hàng ĐT và PT VN - CN Nam Định	1.888.491.843.169	1.888.491.843.169	-	38.230.608.776	1.926.722.451.945	1.926.722.451.945
Ngân hàng Phát triển VN - CN Nam Định	391.950.993.422	391.950.993.422	11.068.234.000	10.200.000.000	391.082.759.422	391.082.759.422
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Hà Nội	2.159.208.233.308	2.159.208.233.308	-	45.000.000.000	2.204.208.233.308	2.204.208.233.308
Ngân hàng ĐT và PT VN - CN SGD3	851.383.152.106	851.383.152.106	-	4.000.000.000	855.383.152.106	855.383.152.106
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Hà Nội	118.872.191.292	118.872.191.292	-	6.500.000.000	125.372.191.292	125.372.191.292
Ngân hàng TMCP Xăng Dầu PETROLIMEX - CN Hà Nội	1.633.337.000	1.633.337.000	2.000.000.000	366.663.000	-	-
Vay đối tượng khác	-	-	-	32.000.000.000	32.000.000.000	32.000.000.000

Thông tin cho các khoản vay ngắn hạn:

Khoản vay ngắn hạn đối tượng khác là khoản vay một số cá nhân để bù đắp vốn cho dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến Khu đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70) theo hình thức hợp đồng BT và một số khoản vay khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.12 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Thông tin cho các khoản vay dài hạn:

Công ty đang vay dài hạn tại các Ngân hàng để thực hiện các dự án BT, BOT; Dự án xây dựng hệ thống thu phí không dừng và kiểm soát tải trọng xe; Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Mắt Hà Nội cơ sở 2.

Các khoản vay dài hạn cho các dự án BOT:

Công ty đang vay dài hạn tại các ngân hàng để thực hiện các dự án BOT. nguồn trả nợ gốc và lãi vay là nguồn thu từ trạm thu phí theo hợp đồng BOT đã ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Công ty đang quản lý, đầu tư các dự án BOT:

Dự án Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp đường 39B đoạn tuyến tránh thị trấn Thanh Nê, Huyện Kiến Xương và đoạn từ đường vào trung tâm điện lực Thái Bình đến cầu Diêm Điền huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; Thực hiện dự án đầu tư mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 1 đoạn Km597+549 – Km605+000 và đoạn Km617+000 – Km641+000 tỉnh Quảng Bình; Đầu tư xây dựng tuyến tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10; Đầu tư bổ sung tuyến tránh thị trấn Đông Hưng, tỉnh Thái Bình trên Quốc lộ 10 (Km92+900 đến Km98+400) đoạn từ cầu Tân Đệ đến cầu La Uyên; đầu tư dự án Cải tạo nâng cấp QL10 đoạn từ cầu Quán Toan đến cầu Nghìn, thành phố Hải Phòng.

Các khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định:

- Hợp đồng số 02/2015/HĐTD/BIDV-TASCO ngày 22/05/2015 ký giữa Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Nam Định và Công ty cổ phần Tasco, Công ty CP Tasco Nam Thái (doanh nghiệp dự án) số tiền vay tối đa 435.700.000.000 đồng, thời hạn vay 15 năm, thời gian ân hạn tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, nhưng không vượt quá ngày 01/01/2016 hoặc khi dự án có doanh thu. Mục đích sử dụng tiền vay: Thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp đường 39B đoạn tuyến tránh thị trấn Thanh Nê, Huyện Kiến Xương và đoạn từ đường vào trung tâm điện lực Thái Bình đến cầu Diêm Điền huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình theo hình thức Hợp đồng BOT, lãi suất cho vay thả nổi, điều chỉnh 3 tháng một lần.
- Hợp đồng số 01/2013/HĐTD/BIDV-TASCO tháng 11/2013 ký giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam – chi nhánh Nam Định và Công ty cổ phần Tasco, Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình (doanh nghiệp dự án) số tiền vay tối đa 1.531.000.000.000 đồng, thời hạn vay 19,5 năm, thời gian ân hạn tối đa 30 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Thực hiện dự án đầu tư mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 1 đoạn Km597+549 – Km605+000 và đoạn Km617+000 – Km641+000 tỉnh Quảng Bình, lãi suất cho vay thả nổi, điều chỉnh 3 tháng một lần và được xác định vào ngày làm việc đầu tiên của mỗi quý bằng tổng của Lãi suất tham chiếu cộng ba phần trăm năm phần trăm một năm (3,5%/năm), nhưng không thấp hơn mức lãi suất tối thiểu theo quy định của Bên cho vay trong từng thời kỳ và không cao hơn mức lãi suất cho vay tối đa theo quy định của Ngân hàng nhà nước và Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.12 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- Hợp đồng số 01/2008/HĐ ngày 26 tháng 12 năm 2008, số tiền vay tối đa 36.348.000.000 đồng, thời hạn vay 150 tháng, thời gian ân hạn tối đa 30 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án, mục đích sử dụng tiền vay thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10. Lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay thả nổi tại thời điểm giải ngân với mức lãi suất theo thông báo của ngân hàng và điều chỉnh 03 tháng/1 lần chi tiết theo các khoản giải ngân.

Các khoản vay dài hạn Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định (VDB):

- Hợp đồng tín dụng đầu tư Nhà nước số 02/2016/HĐTDĐT-NHPT ngày 02/06/2016, số tiền vay tối đa 369.000.000.000 đồng, thời hạn vay 78 tháng, thời gian ân hạn tối đa 15 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng. Mục đích sử dụng tiền vay: để đầu tư dự án: "Đầu tư bổ sung tuyến tránh thị trấn Đông Hưng, tỉnh Thái Bình trên Quốc lộ 10 (Km92+900 đến Km98+400) đoạn từ cầu Tân Đệ đến cầu La Uyên. Lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của ngân hàng phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

- Hợp đồng số 11/2008/HĐTDĐT tháng 9/2009, số tiền vay tối đa 255.000.000.000 đồng, thời hạn vay 15 năm, thời gian ân hạn tối đa 36 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10, lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của ngân hàng phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Hà Nội:

- Hợp đồng số 01/2015/HĐTD/VCBHN-TASCO ngày 15 tháng 10 năm 2015, số tiền vay 2.333.580.000.000 đồng, thời gian vay 216 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (nhưng không dài hơn 06 tháng trước ngày kết thúc thời gian thu phí của dự án), thời gian ân hạn gốc là 28 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, thời gian trả nợ gốc là 188 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn, mục đích sử dụng tiền vay: để thanh toán chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp đầu tư dự án Cải tạo nâng cấp QL10 đoạn từ cầu Quán Toan đến cầu Nghìn, thành phố Hải Phòng, theo hình thức Hợp đồng BOT. Lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay thả nổi tại thời điểm giải ngân với mức lãi suất theo thông báo của ngân hàng và điều chỉnh 03 tháng/1 lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Các khoản vay dài hạn cho các dự án BT:

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định:

- Hợp đồng số 01/2015/HĐTD/BIDV-TASCO ngày 09 tháng 03 năm 2015, số tiền vay tối đa 970.000.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, thời gian ân hạn tối đa 24 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên, thời gian trả nợ là 36 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn, mục đích sử dụng tiền vay thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến Khu đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70). Lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay thả nổi tại thời điểm giải ngân với mức lãi suất theo thông báo của ngân hàng và điều chỉnh 03 tháng/1 lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

5.12 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn cho Dự án xây dựng hệ thống thu phí không dừng:

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 3

- Hợp đồng số 01/2017/232424/HĐTD ngày 24/5/2017, hạn mức tín dụng 1.275.194.000.000 đồng, thời hạn vay 147 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn gốc là 27 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, thời hạn trả nợ gốc là 120 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn. Mục đích sử dụng tiền vay: thực hiện dự án: Thu phí tự động không dừng và kiểm soát tải trọng xe trên toàn quốc- Giai đoạn 1 áp dụng cho Quốc lộ và đường HCM đoạn qua tây nguyên theo hình thức hợp đồng BOO. Lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/1 lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Các khoản vay dài hạn cho Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Mắt Hà Nội cơ sở 2:

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương VN – Chi nhánh TP Hà Nội:

- Hợp đồng số 01/2017-HDDCVDADDT/NHCT106/BVMHN ngày 02/6/2017, số tiền vay tối đa 135.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, mục đích sử dụng tiền vay: để đầu tư dự án Bệnh viện mắt Hà Nội – cơ sở 2, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 7%/năm (theo chương trình cho vay đầu tư phát triển y tế - nhóm 1), cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ tối thiểu 2,0%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.13 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	490.683.782.764	490.683.782.764	518.890.173.739	518.890.173.739
Công ty Cổ phần Xây dựng NASACO	10.053.744.101	10.053.744.101	10.623.356.771	10.623.356.771
Công ty CP Sông Hồng	3.436.616.001	3.436.616.001	17.465.589.000	17.465.589.000
Công ty CP xây dựng giao thông Yên Bái	23.644.942.000	23.644.942.000	24.625.755.821	24.625.755.821
Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	109.370.370.601	109.370.370.601	139.313.689.366	139.313.689.366
Công ty cổ phần Đầu tư & xây dựng HUD3	5.770.030.799	5.770.030.799	5.850.006.218	5.850.006.218
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Constrexim	5.806.241.638	5.806.241.638	6.255.364.110	6.255.364.110
Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật	-	-	3.055.942.821	3.055.942.821
Công ty cổ phần công nghệ Tiên Phong	80.955.381.439	80.955.381.439	67.545.900.964	67.545.900.964
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	35.348.592.985	35.348.592.985	35.348.592.985	35.348.592.985
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn Thông	40.126.047.638	40.126.047.638	14.148.416.446	14.148.416.446
Đối tượng khác	176.171.815.562	176.171.815.562	194.657.559.237	194.657.559.237
Tổng	490.683.782.764	490.683.782.764	518.890.173.739	518.890.173.739
Phải trả người bán là các bên	109.775.333.206	109.775.333.206	139.931.657.971	139.931.657.971

(Chi tiết tại thuyết minh 6.3)

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.14 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Năm 2020			
	01/01/2020	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2020
Thuế GTGT	24.119.683.933	63.659.132.205	84.917.643.220	2.861.172.918
Thuế Thu nhập doanh nghiệp (i)	47.251.162.457	37.604.074.842	64.482.185.992	20.373.051.307
Thuế Thu nhập cá nhân	431.408.698	4.651.782.933	4.528.259.555	554.932.076
Thuế tài nguyên	5.660.000	74.446.000	76.196.000	3.910.000
Thuế khác	3.080.000	224.421.910	226.126.911	1.374.999
Tổng	71.810.995.088	106.213.857.890	154.230.411.678	23.794.441.300

- (i) Phần thuế TNDN nộp thay cho Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Hà Việt (Hà Việt) tương ứng với các căn đã bán theo uỷ quyền của Hà Việt trong hợp đồng liên doanh số 19/2009/TASCO-HA VIET. Trong đó Hà Việt phải nộp: 43.299.800.336 đồng, Tasco phải nộp (9.572.518.572) đồng.

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Năm 2020			
	01/01/2020	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2020
Thuế GTGT	11.710.511.601	12.243.502.511	1.019.292.010	486.301.100
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	8.083.903.200	4.414.239.823	-	3.669.663.377
Thuế Thu nhập cá nhân	14.430.016	108.327.524	94.154.705	257.197
Tổng	19.808.844.817	16.766.069.858	1.113.446.715	4.156.221.674

5.15 Chi phí phải trả

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	95.037.607.286	112.764.730.938
Trích trước giá vốn các Dự án	47.857.345.120	67.099.068.910
Trích trước lãi vay	14.741.281.538	13.047.376.790
Trích trước chi phí khác	32.438.980.628	32.618.285.238
Tổng	95.037.607.286	112.764.730.938

5.16 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Dài hạn	1.191.236.986	826.962.150
Doanh thu quản lý vận hành khu đô thị	706.390.441	588.756.729
Doanh thu ghi nhận trước khác	484.846.545	238.205.421
Tổng	1.191.236.986	826.962.150

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.17 Phải trả khác

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	362.737.071.284	796.774.417.909
Kinh phí công đoàn	1.470.844.298	1.546.098.858
Bảo hiểm xã hội	5.302.983.588	2.206.422.789
Bảo hiểm y tế	1.069.686.209	684.607.464
Bảo hiểm thất nghiệp	481.024.830	266.035.318
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	10.373.995.420	10.597.191.120
Các khoản phải trả, phải nộp khác	344.038.536.939	781.474.062.360
<i>Tiền sử dụng đất dự án Khu nhà ở sinh thái Xuân phương chờ đối trừ giá trị đầu tư dự án BT Lê Đức Thọ (i)</i>	<i>958.761.000</i>	<i>631.485.168.980</i>
<i>Phải trả, phải nộp khác</i>	<i>343.079.775.939</i>	<i>149.988.893.380</i>
<i>Dài hạn</i>	551.589.958.880	569.734.015.815
Phải trả về góp vốn thực hiện dự án (ii)	398.382.747.984	428.063.150.000
Phải trả, phải nộp khác	153.207.210.896	141.670.865.815
Tổng	914.327.030.164	1.366.508.433.724

- (i) khoản tiền sử dụng đất dự án khu nhà ở sinh thái xuân phương đã được thực hiện đối trừ với một phần giá trị đầu tư dự án BT Lê Đức Thọ theo lệnh ghi thu, ghi chi ngân sách ngày 18/12/2020 của Sở tài chính Hà Nội.
- (ii) Phải trả dài hạn Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Hà Việt góp vốn liên doanh theo Hợp đồng liên doanh số 19/2009/TASCO-HA VIET về việc Đầu tư tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến Khu đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70) theo hình thức Xây dựng - chuyển giao (BT).

5.18 Dự phòng phải trả

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<i>Dài hạn</i>	38.460.745.459	38.460.745.459
Dự phòng đại tu phần cầu, đường của dự án BOT21	38.460.745.459	38.460.745.459
Tổng	38.460.745.459	38.460.745.459

5.19 Vốn chủ sở hữu**a. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Vốn góp của cổ đông	2.686.319.650.000	2.686.319.650.000
Tổng	2.686.319.650.000	2.686.319.650.000

b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	2.686.319.650.000	2.686.319.650.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	2.686.319.650.000	2.686.319.650.000
Cổ tức đã chia	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**c. Cổ phiếu**

	31/12/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	268.631.965	268.631.965
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	268.631.965	268.631.965
Cổ phiếu phổ thông	268.631.965	268.631.965
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	268.631.965	268.631.965
Cổ phiếu phổ thông	268.631.965	268.631.965
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành(VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

d. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	122.247.635.329	119.568.635.329

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**e. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2019	2.686.319.650.000	84.988.051.186	115.707.635.329	4.114.497.498	273.074.030.738	3.164.203.864.752
Tăng trong năm trước	-	-	3.861.000.000	-	60.486.032.917	64.347.032.917
Tăng vốn trong năm trước	-	-	3.861.000.000	-	-	3.861.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	53.587.677.572	53.587.677.572
Tăng khác	-	-	-	-	6.898.355.345	6.898.355.345
Giảm trong năm trước	-	(66.885.197)	-	(8.925.459.503)	4.633.000.000	(13.625.344.700)
Lỗi trong năm trước	-	-	-	(8.925.459.503)	-	(8.925.459.503)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	4.633.000.000	(4.633.000.000)
Giảm khác	-	(66.885.197)	-	-	-	(66.885.197)
Số dư tại ngày 31/12/2019	2.686.319.650.000	84.921.165.989	119.568.635.329	(4.810.962.005)	328.927.063.655	3.214.925.552.968
Tăng trong năm	-	-	2.679.000.000	-	-	2.679.000.000
Tăng khác	-	-	2.679.000.000	-	-	2.679.000.000
Giảm trong năm	-	(96.942.397)	-	(8.381.136.308)	248.300.529.085	(256.778.607.790)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	3.215.000.000	(3.215.000.000)
Lỗi trong năm nay	-	-	-	(8.381.136.308)	235.061.626.585	(243.442.762.893)
Giảm khác (*)	-	(96.942.397)	-	-	10.023.902.500	(10.120.844.897)
Số dư tại ngày 31/12/2020	2.686.319.650.000	84.824.223.592	122.247.635.329	(13.192.098.313)	80.626.534.570	2.960.825.945.179

(*) Là khoản điều chỉnh lãi lỗ khoản đầu tư vào Công ty CP Tasco Năng lượng khi thoái vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.20 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất*Nợ khó đòi đã xử lý*

Đối tượng	Số tiền nợ VND
Công ty TNHH Lưu Thảo Vy	124.000.000
Ban QLDA NN&PT NT Nam Định	27.658.859
VP Hội Đồng ND-UBND tỉnh Nam Định	29.804.000
UBND huyện Trực Ninh	30.914.000
Công ty CP XD Thủy lợi Ninh Bình	198.469.912
Công ty CP Tàu thủy Hoàng Anh	61.600.000
Ban QLDA Đầu tư XD - Thị xã Phú Lý	34.135.000
Công ty CP Đầu tư & XD HUD 3	42.451.250
Công ty ĐTXD phát triển đô thị số 4	49.001.450
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Sông Đà	364.262.853
Công ty CP TV XD Hà Tây	107.883.300
Công ty CP XD CT đô thị Nam Định	18.337.885
Công ty CP Đầu tư XD Việt Nhật	35.938.875
Phạm Đăng Khởi	11.649.400
Vũ Văn Dũng	27.694.731
Phạm Văn Toàn	22.165.608
Trần Thị Bích Hạnh	19.288.000
Ban QLDA Đầu tư XD huyện Hải Hậu	20.000.000
UBND huyện Giao Thủy	75.681.173
BQL Dự án Khu vực tỉnh Nam Định	49.901.000
Công ty CP Licogi 13	325.974.526
Công ty CP PTMT KCN & Đô thị Việt Nhật	109.450.000
Công ty CP Tư vấn công trình và Kỹ nghệ Đỉnh cao	59.854.000
Công ty cổ phần tư vấn giáo dục Sao Tím	24.750.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	70.000.000
Công ty CP tư vấn thiết kế XDCT & TM AET	130.000.000
Công ty CP Thủy điện MEGASTAR- Hồng Nam	17.710.000
Ban quản lý dự án giao thông tỉnh Nam Định	116.860.000
Công ty CP TIC	30.853.699.510
Công ty CP Thẩm định giá và đầu tư VIC	50.000.000
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Thiên Hà	1.000.000.000
Tổng	34.109.135.332

5.21 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	761.665.090.488	1.108.269.404.228
Doanh thu hoạt động kinh doanh Bất động sản	22.544.289.569	90.651.208.965
Doanh thu hoạt động thu phí	596.142.290.213	588.313.591.178
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	124.833.930.056	116.491.050.514
Doanh thu hợp đồng xây dựng	18.144.580.650	312.813.553.572
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i>	146.181.818	341.863.636

(Chi tiết tại thuyết minh 6.3)

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.22 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giảm giá cung cấp dịch vụ	1.554.625.176	-
Giảm giá hàng bán bất động sản	9.585.389.825	1.047.161.151
Tổng	11.140.015.001	1.047.161.151

5.23 Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn hoạt động kinh doanh Bất động sản (*)	63.290.368.483	80.148.608.548
Giá vốn hoạt động thu phí	502.524.996.767	312.136.172.051
Giá vốn bán hàng, cung cấp dịch vụ	82.192.888.290	85.637.209.961
Giá vốn hợp đồng xây dựng	17.339.632.343	286.819.065.167
Tổng	665.347.885.882	764.741.055.727

(*) Việc giá vốn tăng đột biến nguyên nhân do các năm trước trước đây Công ty thực hiện hạch toán giá vốn tiền sử đất của Dự án Khu nhà ở sinh thái Xuân Phương căn cứ theo quyết định số 5709/QĐ-UBND ngày 04/11/2014. Tuy nhiên, sau khi thực hiện rà soát lại nghĩa vụ tài chính của dự án theo Nghị quyết số 160/NQ-CP của Chính phủ về việc về việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức hợp đồng Xây dựng - chuyển giao, ngày 06/10/2020 Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội đã ban hành quyết định số 4522/QĐ-UBND về việc phê duyệt kết quả rà soát nghĩa vụ tài chính Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở sinh thái Xuân Phương. Theo đó, nghĩa vụ tài chính về đất của toàn dự án tăng 105.094.540.691 đồng.

5.24 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.434.962.510	10.265.260.199
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.258.294.431	-
Doanh thu từ chuyển nhượng cổ phần	47.309.473.296	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	294.963.542	94.475.171.545
Tổng	60.297.693.779	104.740.431.744

5.25 Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền vay	197.290.779.043	255.849.396.630
Chi phí tài chính khác	40.305.866.302	1.343.639.811
Tổng	237.596.645.345	257.193.036.441

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.26 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong</i>	<i>121.014.253.343</i>	<i>112.326.415.006</i>
Chi phí nhân viên quản lý	46.924.418.614	42.518.762.413
Chi phí vật liệu quản lý	269.426.126	208.808.104
Chi phí đồ dùng văn phòng	364.512.325	773.383.149
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.212.173.124	8.704.299.911
Thuế, phí và lệ phí	456.006.017	225.748.724
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	21.996.367.326	10.306.109.853
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.989.944.375	33.042.521.576
Chi phí khác bằng tiền	16.801.405.436	16.546.781.276
<i>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</i>	<i>28.257.825.444</i>	<i>15.021.305.630</i>
Chi phí nhân viên	9.481.332.614	5.094.620.201
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	673.712.845	1.670.044.789
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.735.578.144	4.649.894.932
Chi phí khác bằng tiền	13.045.603.010	3.605.540.708
Tổng	149.272.078.787	127.347.720.636

5.27 Thu nhập khác

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thanh lý tài sản	12.401.680.686	701.818.411
Thu phạt hợp đồng	632.199.362	3.003.922.798
Thu nhập khác	-	1.289.657.259
Tổng	13.033.880.048	4.995.398.468

5.28 Chi phí khác

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.252.469.286	-
Các khoản bị phạt hợp đồng	4.974.834.778	-
Các khoản chi phí khác	1.471.716.074	7.651.605.240
Tổng	7.699.020.138	7.651.605.240

5.29 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	(3.580.733.940)	28.221.795.011
Tổng	(3.580.733.940)	28.221.795.011

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.30 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(235.061.626.585)	53.587.677.572
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	(235.061.626.585)	53.587.677.572
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	268.631.965	252.262.547
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(875,03)	212,43

5.31 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	71.410.658.669	8.640.683.056
Chi phí nhân công	176.600.341.402	110.266.102.628
Chi phí khấu hao tài sản cố định	251.374.115.373	221.626.633.998
Chi phí dịch vụ mua ngoài	196.448.467.024	347.661.697.157
Chi phí dự phòng	21.996.367.326	10.306.109.853
Chi phí khác bằng tiền	89.376.637.320	53.639.318.043
Tổng	807.206.587.114	752.140.544.735

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

6.2 Thông tin khác

Trong năm 2020 Công ty nhận được bản án sơ thẩm số 18/2020/KDTMST ngày 12/9/2020 của Tòa án nhân dân Huyện Hoài Đức về vụ kiện tranh chấp hợp đồng kinh tế số 477/HUD-HĐKT, theo bản án Tòa án nhân dân Huyện Hoài Đức buộc Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và Đô thị trả cho Công ty Cổ phần Tasco số tiền 191,78 tỷ đồng (gốc và lãi). Công ty Cổ phần Tasco không chấp nhận nên đã làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân Huyện Hoài Đức yêu cầu HUD bàn giao 12.870 m² đất cho TASCO. Ngày 25/01/2021 Công ty đã nhận được thông báo về việc thụ lý án phúc thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Ban Giám đốc đã đánh giá thận trọng và cho rằng vấn đề trên chưa ảnh hưởng cần thiết điều chỉnh trên Báo cáo tài chính. Sau khi Bản án Phúc thẩm có hiệu lực, công ty sẽ đánh giá ảnh hưởng và thực hiện các điều chỉnh, công bố trên Báo cáo tài chính (nếu có).

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

6.3 Giao dịch và số dư với các bên liên quan*Danh sách các bên liên quan*

Bên liên quan	Mối quan hệ
Phạm Quang Dũng	Chủ tịch HĐQT
Phạm Thị Chi	Thành viên HĐQT
Trần Thị Thanh Tân	Thành viên HĐQT
Trần Hải Yến	Thành viên HĐQT
Nguyễn Việt Tân	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc
Đỗ Thanh Hương	Thành viên HĐQT
Nguyễn Đình Siêu	Phó Tổng Giám đốc
Khuất Trung Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Trần Thanh Long	Người có liên quan với thành viên HĐQT
Nguyễn Trung Tiến	Người có liên quan với thành viên HĐQT
Phạm Thị Nhài	Người có liên quan với thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần BĐS Thái An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần D-Tech	Công ty liên kết
Công ty CP Tasco Thăng Long	Công ty liên kết
Tổng Công ty Thăng Long – CTCP	Công ty liên kết
Công ty TNHH BOT Hùng Thắng - Phú Thọ	Công ty liên kết

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban điều hành

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Ban Giám đốc - Lương và thu nhập khác	1.699.472.483	1.529.140.260
Hội đồng Quản trị - Thù lao và thu nhập khác	4.376.098.659	4.902.740.658
Tổng	6.075.571.142	6.431.880.918

Chi tiết năm 2020	Lương & phụ cấp	Thù lao (Tạm ứng)	Tổng cộng
HĐQT (Tên, Chức danh)			
Phạm Quang Dũng - Chủ tịch HĐQT		0%	0%
Nguyễn Việt Tân - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	100%	0%	100%
Phạm Thị Chi - Thành viên HĐQT	100%	0%	100%
Đỗ Thanh Hương - Thành viên HĐQT	37%	63%	100%
Trần Hải Yến - Thành viên HĐQT	100%	0%	100%
Ban TGD (Tên, Chức danh) và người quản lý			
Nguyễn Đình Siêu - Phó TGD	100%	0%	100%
Khuất Trung Thắng - Phó TGD	100%	0%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

6.3 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Chi tiết năm 2019	Lương & phụ cấp	Thù lao (đã chi theo Nghị quyết HĐQT)	Tổng cộng
HĐQT (Tên, Chức danh)			
Phạm Quang Dũng - Chủ tịch HĐQT	91%	9%	100%
Nguyễn Việt Tân - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	93%	7%	100%
Phạm Thị Chi - Thành viên HĐQT	92%	8%	100%
Đỗ Thanh Hương - Thành viên HĐQT	92%	8%	100%
Trần Hải Yến - Thành viên HĐQT	91%	9%	100%
Trần Thị Thanh Tân - Thành viên HĐQT	0%	100%	100%
Ban TGD (Tên, Chức danh) và người quản lý khác			
Nguyễn Văn Dương - Tổng Giám đốc	100%	0%	100%
Nguyễn Đình Siêu - Phó TGD	100%	0%	100%
Khuất Trung Thắng - Phó TGD	100%	0%	100%
Trần Ngọc Kiên - Trợ lý TGD	100%	0%	100%

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Bán hàng	146.181.818	341.863.636
Công ty Cổ phần BĐS Thái An	26.181.818	52.363.636
Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	120.000.000	289.500.000
Mua hàng	838.441.475	268.377.598.019
Công ty Cổ phần BĐS Thái An	-	27.272.728
Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	838.441.475	268.350.325.291
Vay	67.531.283.348	4.300.000.000
Phạm Quang Dũng	55.476.821.226	2.900.000.000
Trần Thanh Long	10.054.462.122	400.000.000
Nguyễn Trung Tiến	2.000.000.000	1.000.000.000
Chi phí lãi vay	8.976.907.387	3.809.709.689
Phạm Quang Dũng	7.763.345.265	3.021.544.365
Trần Thanh Long	1.213.562.122	788.165.324

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

6.3 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)*Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán*

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<i>Phải thu khách hàng</i>	1.678.450.000	1.649.650.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Thái An	1.630.600.000	1.601.800.000
Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	47.850.000	47.850.000
<i>Phải thu khác</i>	6.169.481.551	101.264.800
Công ty Cổ phần Bất động sản Thái An	101.264.800	101.264.800
Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	6.068.216.751	-
<i>Phải trả người bán</i>	109.775.333.206	139.931.657.971
Công ty Cổ phần Bất động sản Thái An	404.962.605	617.968.605
Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	109.370.370.601	139.313.689.366
<i>Vay và nợ</i>	94.568.822.742	45.796.927.682
Phạm Quang Dũng	81.661.528.255	36.524.702.753
Trần Thanh Long	9.907.294.487	7.272.224.929
Nguyễn Trung Tiến	3.000.000.000	2.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

6.4 Báo cáo bộ phận**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Xây lắp và hoạt động khác, dịch vụ thu phí đường bộ và Đầu tư, Kinh doanh Bất động sản.

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 01/01/2020

Đơn vị tính: VND

	Xây lắp và hoạt động khác	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Dịch vụ thu phí đường bộ theo hình thức BOT	Dịch vụ thu phí tự động không dừng theo hình thức BOO	Tổng
TÀI SẢN					
Tài sản cố định	137.765.521.769		5.096.605.487.724	516.741.949.813	5.751.112.959.306
Tài sản cố định không thể phân bổ					11.722.195.283
Xây dựng cơ bản dở dang	65.450.181.799	1.003.303.080.617	16.645.956.847	714.648.701.046	1.800.047.920.309
Các khoản phải thu	615.214.490.993	1.303.391.416.808	39.043.657.559	37.020.057.150	1.994.669.622.510
Hàng tồn kho	5.332.113.888			32.942.045.187	38.274.159.075
Tài sản ngắn hạn, dài hạn khác	46.776.388.647		562.017.057.734	104.831.612.800	713.625.059.181
Tài sản không thể phân bổ					708.548.255.103
Tổng tài sản	870.538.697.096	2.306.694.497.425	5.714.312.159.864	1.406.184.365.996	11.018.000.170.767
NỢ PHẢI TRẢ					
Các khoản phải trả	202.507.120.591	1.252.712.901.881	65.390.697.951	159.274.802.425	1.679.885.522.848
Phải trả tiền vay	394.999.636.425	-	4.349.895.529.334	855.383.152.106	5.600.278.317.865
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	522.910.777.086
Tổng nợ phải trả	597.506.757.016	1.252.712.901.881	4.415.286.227.285	1.014.657.954.531	7.803.074.617.799

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

	Xây lắp và hoạt động khác	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Dịch vụ thu phí đường bộ theo hình thức BOT	Dịch vụ thu phí tự động không dừng theo hình thức BOO	Tổng
DOANH THU					
Tổng doanh thu	429.304.604.085	90.651.208.965	551.453.668.048	36.859.923.130	1.108.269.404.228
Giảm trừ doanh thu	(1.047.161.151)				(1.047.161.151)
Doanh thu thuần	428.257.442.934	90.651.208.965	551.453.668.048	36.859.923.130	1.107.222.243.077
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG					
Kết quả bộ phận	93.409.331.602	(10.041.030.409)	115.698.073.507	(126.182.361.620)	72.884.013.080
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.659.506.576	-	2.562.288.435	-	28.221.795.011
Lợi nhuận trong năm	67.749.825.026	(10.041.030.409)	113.135.785.072	(126.182.361.620)	44.662.218.069

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Xây lắp và hoạt động khác	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Dịch vụ thu phí đường bộ theo hình thức BOT	Dịch vụ thu phí tự động không dừng theo hình thức BOO	Tổng
TÀI SẢN					
Tài sản cố định	139.637.391.569		4.979.853.355.859	1.107.932.717.180	6.227.423.464.608
Tài sản cố định không thể phân bổ				11.097.245.078	11.097.245.078
Xây dựng cơ bản dở dang	45.485.014.076	1.041.950.384.450	10.717.296.752	38.830.113.993	1.136.982.809.271
Các khoản phải thu	525.923.742.390	502.579.234.362	16.115.518.573	53.835.414.611	1.098.453.909.936
Hàng tồn kho	6.045.898.938	52.447.240.118	3.474.557.651	62.460.639.859	124.428.336.566
Tài sản ngắn hạn, dài hạn khác	41.701.842.429		790.576.663.344	108.088.825.549	940.367.331.322
Tài sản không thể phân bổ					619.717.504.791
Tổng tài sản	758.793.889.402	1.596.976.858.930	5.800.737.392.179	1.382.244.956.270	10.158.470.601.572
NỢ PHẢI TRẢ					
Các khoản phải trả	217.537.821.578	740.717.203.643	229.035.629.290	489.463.911.579	1.676.754.566.090
Phải trả tiền vay	123.488.192.260	249.950.617.935	4.284.496.718.890	851.383.152.106	5.509.318.681.191
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	11.571.409.112
Tổng nợ phải trả	341.026.013.838	990.667.821.578	4.513.532.348.180	1.340.847.063.685	7.197.644.656.393

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Xây lắp và hoạt động khác	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Dịch vụ thu phí đường bộ theo hình thức BOT	Dịch vụ thu phí tự động không dừng theo hình thức BOO	Tổng
DOANH THU					
Tổng doanh thu	142.978.510.706	22.544.289.569	506.195.857.562	89.946.432.651	761.665.090.488
Giảm trừ doanh thu	1.554.625.176	9.585.389.825			11.140.015.001
Doanh thu thuần	144.533.135.882	32.129.679.394	506.195.857.562	89.946.432.651	772.805.105.489
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG					
Kết quả bộ phận	11.532.136.927	(66.293.375.032)	107.981.746.593	(300.244.005.321)	(247.023.496.833)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.420.372.412	(11.344.310.628)	4.343.204.276	-	(3.580.733.940)
Lợi nhuận trong năm	8.111.764.515	(54.949.064.404)	103.638.542.317	(300.244.005.321)	(243.442.762.893)

6.5 Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.12 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	219.322.711.611	146.076.986.910
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.016.949.801.479	1.855.835.826.652
Các khoản cho vay	32.625.979.000	33.810.385.712
Đầu tư ngắn hạn	46.920.000.000	61.403.931.812
Đầu tư dài hạn	27.800.000.000	29.130.000.000
Tổng	1.343.618.492.090	2.126.257.131.086
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	5.509.318.681.191	5.600.278.317.865
Phải trả người bán và phải trả khác	1.405.010.812.928	1.885.398.607.463
Chi phí phải trả	95.037.607.286	112.764.730.938
Tổng	7.009.367.101.405	7.598.441.656.266

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

6.5 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó Công ty không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Công nợ tài chính	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Cộng
31/12/2020	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	853.420.854.048	551.589.958.880	1.405.010.812.928
Chi phí phải trả	95.037.607.286	-	95.037.607.286
Các khoản vay	97.778.930.894	5.411.539.750.297	5.509.318.681.191
01/01/2020	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	1.315.664.591.648	569.734.015.815	1.885.398.607.463
Chi phí phải trả	112.764.730.938	-	112.764.730.938
Các khoản vay	65.509.529.792	5.534.768.788.073	5.600.278.317.865

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

6.5 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tài sản tài chính 31/12/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	219.322.711.611	-	219.322.711.611
Phải thu khách hàng và phải thu khác	893.965.518.130	122.984.283.349	1.016.949.801.479
Các khoản cho vay	32.625.979.000	-	32.625.979.000
Đầu tư ngắn hạn	46.920.000.000	-	46.920.000.000
Đầu tư dài hạn	-	27.800.000.000	27.800.000.000
01/01/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	146.076.986.910	-	146.076.986.910
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.709.751.746.299	146.084.080.353	1.855.835.826.652
Các khoản cho vay	33.810.385.712	-	33.810.385.712
Đầu tư ngắn hạn	61.403.931.812	-	61.403.931.812
Đầu tư dài hạn	-	29.130.000.000	29.130.000.000

6.6 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT. Một số khoản mục tại báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được phân loại lại cho phù hợp với mục đích trình bày Báo cáo tài chính năm nay. Cụ thể:

Bảng Cân đối kế toán sau phân loại lại

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		614.726.749.147	624.841.194.734
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		522.256.060.124	1.175.206.725.575

Bảng Cân đối kế toán sau phân loại lại

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		614.726.749.147	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		522.256.060.124	1.800.047.920.309

Người lập

Phạm Thị Thúy

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021
Tổng Giám đốc



Nguyễn Việt Tân